

TỔNG HỢP DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH 2022 DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ

GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
TỔNG SỐ													
A	Tại Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 4655/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh												
I	NGUỒN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC												
1	Hạ tầng khuôn viên tổ chức hội chợ tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2020-2022	7799792	4180/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	26.000	26.000	7.020	150.000	Sở Văn hóa thể thao	Do ảnh hưởng của mua bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	130/SVHTT-VP ngày 02/02/2023	Kéo dài thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023
2	Cầu BTCT và đường 2 đầu cầu từ xã Quảng Lộc đi trung tâm cụm các xã Vũng Nam	Ba Đồn	2020-2022	7822266	4295/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	13.500	11.000	2.500	414,820	UBND thị xã Ba Đồn	Do ảnh hưởng mua bão vào cuối năm, dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau (chỉ phí thẩm tra, quyết toán) thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	Kéo dài thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023
3	Đường từ Quốc lộ 1 A đến nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2015-2022		3154/QĐ-UBND ngày 31/10/2021; 3435/QĐ-UBND ngày 27/11/2014; 250/QĐ-UBND ngày 29/01/2015; 2385/QĐ-UBND ngày 13/07/2020	110.149	10.049	10.049	10.049,000	BCH Quân sự tỉnh	Do trong quá trình thi công phải xử lý nền đất yếu, phải điều chỉnh dự án và thiết kế BVTC nhiều lần, phạm vi thi công nằm trong vùng trũng thấp của huyện Lệ Thủy, thường xuyên lũ lụt nên công tác thi công gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh diễn biến phức tạp, kéo dài, nhà thầu thi công ngoại tỉnh nên việc điều động nhân công máy móc đến hiện trường trong điều kiện giãn cách gặp nhiều khó khăn dẫn đến tiến độ giải ngân chậm. Nhà thầu thi công năng lực yếu kém, thay đổi bộ máy nhân sự nhiều lần, mặc dù đã có nhiều biện pháp đôn đốc, bổ sung nhà thầu phụ nhưng vẫn không thể giải ngân hết số vốn bố trí (Tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	220/TTr-BCH ngày 10/01/2023	Kéo dài thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023
NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN													
1	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh chính thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Quảng Bình quản lý	Toàn tỉnh	2022-2024	7963870	1942/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	20.000,000	20.000,000	6.000,000	1.431,199	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Quảng Bình	Hệ thống các tuyến kênh chính thuộc dự án phải mở nước phục vụ sản xuất nông nghiệp đầu vụ Đông Xuân. Vì vậy, các hạng mục công trình phải tạm dừng thi công, làm chậm tiến độ thực hiện của dự án. Đây là nguyên nhân khách quan thuộc điểm đ, khoản 1, Điều 48	67/KTCTL-BQLDA ngày 3/02/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
2	Sửa chữa, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn hồ chứa nước Rào Đá, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022-2024	7959459	1568/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	5.000,000	5.000,000	2.500,000	224,781	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Quảng Bình	Trên tuyến đường này thường xuyên có xe chở đá tải trọng lớn lưu thông với cường độ cao làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của dự án. Đây là nguyên nhân khách quan thuộc điểm đ, khoản 1, Điều 48	67/KTCTTL-BQLDA ngày 3/02/2023	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 (bổ sung 1.000 triệu đồng)
CÔNG NGHIỆP													
1	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022-2024	7948948	2551/QĐ-UBND ngày 21/09/2022	25.000	25.000	7.500	93,326	Sở Công thương	Dự án vướng một số thủ tục phê duyệt dự án và vấn đề bồi thường GPMB (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	156/SCT-VP ngày 03/2/2023	
TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG													
1	Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Ninh	2022-2024	7991448	3132/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	25.000	25.000	7.500	2.096,987	Sở Tài nguyên và Môi trường	Dự án vướng mắc công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB và thủ tục pháp lý dự án theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT mới có hiệu lực nên thủ tục kéo dài do đó chưa giải ngân tại điểm đ, khoản 1, điều 48	197/STNMT-KHTC ngày 03/02/2023	
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH													
1	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2024	7995615	2241/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	25.000	25.000	7.500	7.284,774	Đài PT&TH Quảng Bình	Năm 2022, dịch Covid 19 còn diễn biến phức tạp. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện, Đài phải điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi phù hợp với định hướng của Chính phủ và Bộ TTTT nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh trùng lặp, lãng phí. Thời gian điều chỉnh mất nhiều thời gian tại điểm đ, khoản 1, điều 48	63/CV-PTTH ngày 03/02/2023	
2	Đầu tư bổ sung thiết bị kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đo lường	Đồng Hới	2022-2024	7952619	991/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	8.000	8.000	2.400	58,400	Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm	Do quá trình mua sắm thiết bị đợt 1 còn thiếu nên chưa giải ngân hết số vốn bố trí (tại điểm đ Khoản 1, Điều 48)	11/TTR-TTKT ngày 01/02/2023	
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC													
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022-2024	7977014	2598/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	20.000	20.000	6.000	5.454,891	Văn phòng Tỉnh ủy	Do điều kiện khách quan trong việc thẩm định giá thiết bị nên chủ đầu tư chưa thực hiện đấu thầu các gói thầu mua sắm thiết bị tổng năm 2022 (tại điểm đ Khoản 1, Điều 48)	51-TTr/VPTU ngày 31/01/2023	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và Nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu công tác dân tộc	Đồng Hới	2022 - 2024	7969961	1810/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	8.000	8.000	2.400	100,000	Ban Dân tộc	Trong quá trình thi công do phát sinh nhiều nội dung cần phải điều chỉnh nên giải ngân vốn chậm điểm đ Khoản 1, Điều 48	40/BDT-VP-TTr ngày 03/02/2023	
DU LỊCH													
	Đường từ nhánh Đông đường Hồ Chí Minh vào Khu du lịch sinh thái Trầm Mế (gd2)	Bố Trạch	2022-2024	7941145	56/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	20.000	20.000	7.500	1.274,121	Sở Du lịch	Do vướng GPMB của một số hộ gia đình và ảnh hưởng của thời tiết bất lợi nên ảnh hưởng đến giải ngân nguồn vốn dự án (tại điểm b, đ khoản 1, điều 48)	74/SDL-VP ngày 01/02/2023	Tại NQ 45: 6 tỷ đồng; Tại NQ 60: 1,5 tỷ đồng
II NGUỒN THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT						4.163.666,670	1.319.315,670	436.453,000	382.296,325				
1	Tuyến đường nối từ phía nam hồ Bầu Mây kết nối với tuyến đường liên xã Quảng Phương	Quảng Trạch	2020-2022	7887927	4717/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	15.000	15.000	4.050	3.670,207	UBND huyện Quảng Trạch	Dự án bị vướng GPMB đối với các hộ dân có nhà ở nằm trong phạm vi thực hiện dự án ở cuối tuyến không nhận tiền đền bù hỗ trợ GPMB do giá đền bù của nhà nước thấp hơn nhiều so với giá thị trường. Do bất cập về cao độ đối với đoạn tuyến giao chéo với đường điện 500KV.	23/BC-UBND ngày 07/02/2023	Kéo dài thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023
ĐỐI ƯNG ODA													

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	
1	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới	Thành phố Đồng Hới	2017-2024	7609934	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 1749/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	177.769	96.413	5.207	5.207,000	UBND tỉnh (Ban QLDA Môi trường và ĐKKH TP Đồng Hới)	Một số gói thầu bị vướng mắc GPMB do thay đổi thiết kế của cơ quan chức năng (gói thầu DH-1.4 phải điều chỉnh thiết kế tuyến ống); vướng mắc về đầu nối vào QL 1A - đoạn tránh TP Đồng Hới do nhà đầu tư BOT không đồng ý. Theo Hiệp định đã được ký kết thì đến 31/12/2022 dự án kết thúc trên hiện trường, do vậy toàn bộ nguồn vốn còn lại của dự án dồn hết vào năm 2022 dẫn đến vượt quá khả năng giải ngân thực tế của năm 2022; dự án phê duyệt từ năm 2016 đến nay một số hạng mục (hệ thống thoát nước) không còn phù hợp nên cần thiết phải điều chỉnh để đảm bảo hiệu quả đầu tư theo quy định tại điểm b, điểm đ khoản 1, Điều 48	77/BQLDA ngày 09/02/2023; 162/BQLDA ngày 10/03/2023		
2	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng cường toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Công mở rộng - giai đoạn 2, tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018-2024	7737381	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	40.699	40.699	8.199	7.011,000	Sở Du lịch	Việc thay đổi hướng tuyến dự án cao tốc Bắc Nam đã cắt qua vùng dự án nên phải điều chỉnh mất nhiều thời gian. Thủ tục tuyển chọn nhà thầu xây lắp theo yêu cầu của nhà tài trợ kéo dài nên chưa triển khai gói thầu xây lắp để giải ngân vốn theo quy định điểm đ khoản 1, điều 48	74/SDL-VP ngày 01/02/2023		
3	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị- Tiểu dự án Quảng Bình	Quảng Bình	2018-2025	7545988	613/QĐ-TTg và 562/QĐ-TTg	974.025	118.030	19.010	3.161,708	Sở kế hoạch và Đầu tư	- 02 điểm đầu nối vào tuyến đường tránh lừ BOT chưa được Bộ Giao thông Vận tải thỏa thuận điểm đầu nối, gồm công trình đường du lịch Đinh Mười, huyện Quảng Ninh tại Km377+116 và công trình đường du lịch kết nối TP Đồng Hới với vùng Nam tỉnh Quảng Bình (đoạn tuyến BOT - Ngự Thủy Bắc) tại Km698+390 do NĐT tuyến BOT chưa thống nhất đầu nối do đó chưa thể tổ chức thi công tại 2 điểm này; - Các công trình thuộc Dự án cơ bản đã hoàn thành GPMB. Hiện nay chỉ còn các hộ thuộc diện tái định cư (30 hộ), phải chờ xây dựng các Khu TĐC mới có thể thực hiện bước thu hồi đất. - Tình hình mưa gió kéo dài trong 2 tháng 10 và tháng 11 nên nhà thầu không thể tổ chức thi công liên tục, dẫn đến khối lượng nghiệm thu không đáp ứng kế hoạch đề ra. Theo quy định tại điểm b và điểm đ khoản 1, Điều 48, dự án thuộc điều kiện kéo dài sang vốn năm 2023 để tiếp tục thực hiện.	Văn bản số 28/BQLDA ngày 01/02/2023		
4	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình, tỉnh Quảng Bình.	Tỉnh Quảng Bình	2021-2025	7940365	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	6.510	4.883,019	Ban QLDA SRDP tỉnh Quảng Bình	Do dịch Covid19 nên ảnh hưởng đến việc điều động, tuyển chọn tư vấn của Nhà tài trợ, đến tháng 9/2022 Văn phòng tư vấn mới được thiết lập đi vào hoạt động, ảnh hưởng đến tiến độ xem xét hồ sơ thiết kế các công trình, dẫn đến không thể giải ngân được kế hoạch vốn năm 2022 của dự án. Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, dự án thuộc điều kiện kéo dài vốn sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện dự án	24/BC-SRDP ngày 07/02/2023		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
5	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2	Ba Đồn, Quảng Trạch	2020-2024		1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020	54.190	54.190	8.177	8.177,000	Ban chuẩn bị dự án (UBND huyện Quảng Trạch)	Ngày 02/02/2023, UBND tỉnh đã có Văn bản số 121/UBND-TH báo cáo TTg xin chủ trương không tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch. Hiện nay Thủ tướng Chính phủ chưa có ý kiến trả lời để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo	23/BC-UBND ngày 07/02/2022	
BỔ TRÍ CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM													
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022-2025		3738/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 5226/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	300.000	300.000	60.000	59.054,134	Sở Y tế	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép (quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phức tạp; thời gian lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường... kéo dài).	203/SYT-KHTC ngày 06/02/2023	
2	Dự án thành phần 1: Đường ven biển	Toàn tỉnh	2021-2026		1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021; 1807/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 812/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh	2.197.000	500.000	250.000	240.502,505	Sở Giao thông Vận tải	Nguồn NSDP chủ yếu dùng chi trả công tác GPMB tuy nhiên trong quá trình triển khai do vướng mắc thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng kéo dài. UBND tỉnh đã trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ. (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP).	227/SGTVT-KTTH ngày 02/02/2023; 668 ngày 13/03/2023	Tại NQ 45/NQ-HĐND bổ trí:250 tỷ chưa giải ngân hết số vốn bổ trí; Tại NQ 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 Bổ trí 29,757 tỷ đồng, đã giải ngân 100% (điều chỉnh nguồn kéo dài 2021 sang 2022; Bổ trí 45,6 tỷ đồng (điều chỉnh KH vốn năm 2022), đến nay chưa giải ngân
VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, XÃ HỘI													
1	Dự án Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình (hỗ trợ GPMB)	Đồng Hới	2022-2025	7947666	41/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	240.000	30.000	30.000	29.164,260	Sở Văn hóa Thể thao	Dự án hỗ trợ bồi thường GPMB theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 48	130/SVHTT-VP ngày 02/02/2023	
2	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đồng Hới	2022-2024	7968340	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2159/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	20.000	20.000	6.000	2.057,024	Sở Văn hóa Thể thao	Do thời tiết mưa bão nên ảnh hưởng đến quá trình thi công dự án, bên cạnh đó do vướng mắc GPMB (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP).	130/SVHTT-VP ngày 02/02/2023	
3	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023-2025		43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	8.000	8.000	2.400	2.400,000	Nhà Thiếu nhi Quảng Bình	Do chưa phù hợp với định hướng quy hoạch chung điều chỉnh xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2033	03/CV-NTN ngày 06/02/2023	
LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, AN NINH													
1	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	2023-2025	7004692	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	22.000	22.000	6.600	6.600,000	Công an tỉnh Quảng Bình	Do phạm vi đầu tư trên diện rộng vướng mắc nhiều thủ tục: thủ tục đất đai, quy hoạch.. ảnh hưởng tiến độ dự án	545/CAT-PH10 ngày 03/02/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
2	Đường từ Km56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nông cũ và bản Nông mới xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022-2024	7004686	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1449/QĐ-UBND ngày 03/06/2022	25.000	25.000	7.500	254,237	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	Đang triển khai thực hiện công tác đền bù, GPMB và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; thời tiết cuối năm 2022 mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân (tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	318/BCH-HC ngày 03/02/2023	
3	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngự Thủy và đến xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022-2024	7004686	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 1798/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	25.000	25.000	7.500	832,351	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	Đang triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; thời tiết cuối năm 2022 mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công (tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	318/BCH-HC ngày 03/02/2023	
4	Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu quân sự	Lệ Thủy	2022-2024	7004686	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	16.000	16.000	4.800	4.800,000	BCH Quân sự tỉnh	Quá trình thực hiện cần phải điều chỉnh tên dự án và quy mô đầu tư phù hợp; công tác lập phê duyệt quy hoạch thực hiện trong thời gian dài nên triển khai thiết kế chậm; Khu vực triển khai dự án phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và lập báo cáo ĐTM; trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình mưa bão vào cuối năm (tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	591/BC-BCH ngày 03/02/2023	
5	Doanh trại Trung đội công binh và đội 589/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2024	7004686	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3414/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	14.954	14.954	4.500	3.779,693	BCH Quân sự tỉnh	Quá trình thực hiện dự án phải điều chỉnh tên dự án và quy mô đầu tư; công tác trình duyệt và thẩm định thực hiện thủ tục kéo dài và trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình mưa bão cuối năm tại điểm đ, khoản 1, Điều 48	591/BC-BCH ngày 03/02/2023	
6	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022-2024	7004686	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3226/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	20.000	20.000	6.000	742,187	BCH Quân sự tỉnh	Khu vực đi quy diện tích rừng tự nhiên, dẫn đến thủ tục chuyển đổi và đền bù GPMB kéo dài. Công tác rà phá bom mìn phải trình Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ cho các đơn vị trước khi lập hồ sơ thẩm định dự toán và phương án kỹ thuật thi công nên chậm giải ngân nguồn vốn; việc khảo sát địa chất, địa hình mưa bão cuối năm (tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	591/BC-BCH ngày 03/02/2023	
III NGUỒN XỐ SỐ KIẾN THIẾT						30.403,000	30.403,000	9.150,000	1.396,123				
1	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2022-2024	7960248	1467/QĐ-UBND ngày 6/6/2022	6.926	6.926	2.100	166,411	Trường THPT Phan Bội Châu	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do ảnh hưởng thiên tai mưa kéo dài (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	CV của trường THPT Phan Bội Châu	
2	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lệ Thủy	2022-2024	7970042	1960/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	7.477	7.477	2.250	602,904	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Do dự án bổ sung thêm các thủ tục PCCC và trong quá trình thi công do ảnh hưởng mưa lũ kéo dài (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	21/BC-THĐ ngày 01/2/2023	
3	Nhà nội trú giáo viên 2 tầng 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2022-2024	7957601	1369/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	9.000	9.000	2.700	3,522	Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do ảnh hưởng thiên tai mưa kéo dài (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	CV của Trường THCS&THPT Bắc Sơn	
4	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2022-2024	7949814	4289/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.000	7.000	2.100	623,286	Trường THPT Lê Trực	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do ảnh hưởng thiên tai mưa kéo dài (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	CV của Trường THPT Lê Trực	
B	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 10/06/2022 của UBND tỉnh					1.945.101,000	1.905.101,000	120.740,000	59.374,862				

STT	Danhs mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG					59.000,000	59.000,000	19.700,000	4.749,225				
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND tỉnh	Đồng Hới	2022-2024	7997121	3362/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	30.000	30.000	2.500	2.065,432	VP UBND tỉnh	Do điều chỉnh lại một số hạng mục để đảm bảo yêu cầu, điều kiện làm việc cần bổ nên chưa thực hiện đầu thầu trong năm 2022 (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	300/VPUBND-QTTV ngày 02/02/2023	
2	Sửa chữa, mở rộng trụ sở Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Đồng Hới	2022-2024	7951862	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 4295/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	10.000	10.000	8.000	2.087,022	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Do có sự điều chỉnh phương án phòng cháy chữa cháy trong xây dựng và do thời tiết mưa bão nên ảnh hưởng đến quá trình thi công dự án (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	338/CV-ĐUK ngày 02/02/2023	Tại NQ 45: 3 tỷ; Tại NQ 60: 5 tỷ
3	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ Nông dân - Phụ nữ Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2024	7961808	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; QĐ số 1867/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	7.000	7.000	3.600	290,915	Hội Nông dân tỉnh	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	1221 CV/HNDT ngày 03/02/2023	Tại NQ 45: 2,1 tỷ; Tại NQ 60: 1,5 tỷ
4	Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTTN Động Châu-Khe nước Trong	Lệ Thủy	2022-2024	7961239	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	12.000	12.000	5.600	305,856	BQL Khu DTTN Động Châu - Khe nước trong	Thủ tục xử lý về đất rừng và tài sản trên đất để đảm bảo quy định trước khi thi công tuyến đường với Công ty TNHH MTV LCN Long Đại kéo dài, đến cuối tháng 10/2022 công trình mới được triển khai thi công; (ii) khu vực dự án chịu ảnh hưởng của cả hai vùng khí hậu Đông và Tây Trường Sơn, số ngày mưa nhiều, đất nền đường và mô vượt quá độ ẩm cho phép làm kéo dài thời gian thi công công tác đắp đất (K95, K98) (Tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	20/BC-ĐCKNT ngày 05/02/2023	Tại NQ 45: 3,6 tỷ; Tại NQ 60: 2,0 tỷ
II	NGUỒN THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT					1.803.601	1.763.601	94.140	52.367,612				
1	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hoá, Trạm Kiểm lâm Khe Gát, Chốt Kiểm lâm Cây Ngà, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Trạ Ang)	Bố Trạch, Minh Hóa	2022-2024	7952802	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 998/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	25.000	25.000	11.500	2.436,722	BQL Vườn Quốc Gia Phong nha Kẻ Bàng	Dự án khởi công tháng 10/2022, thời điểm này bước vào mùa mưa lũ, nhất là các tháng cuối năm 2022, thường xuyên xảy ra mưa lớn, kéo dài và ảnh hưởng của các đợt bão làm tiến độ thi công của công trình nói trên chưa thể đẩy nhanh theo kế hoạch đề ra (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	102/VQG-KHTC ngày 10/02/2023	Tại NQ 45/NQ-HĐND: bổ tri 7,5 tỷ; NQ 60/NQ-HĐND bổ tri: 4 tỷ
2	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng Trường THCS và THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2022-2024	7944707	4302/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.500	7.500	1.500	263,722	Trường THCS và THPT Trung Hóa	Do dự án tiến hành thi công vào mùa mưa nên ảnh hưởng đến tiến độ thi công, giải ngân nguồn vốn (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	12/THCS&THPT-TrH ngày 02/02/2023	
3	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2022-2024	7960248	1467/QĐ-UBND ngày 6/6/2022	6.926	6.926	3.000	402,254	Trường THPT Phan Bội Châu	Do thời gian thi công vào mùa mưa nên tiến độ thực hiện dự án không kịp giải ngân hết nguồn vốn bổ tri (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	CV của trường THPT Phan Bội Châu	
4	Nhà nội trú giáo viên 2 tầng 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2022-2024	7957601	1369/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	9.000	9.000	1.800	1.586,269	Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do ảnh hưởng thiên tai (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	CV của Trường THCS&THPT Bắc Sơn	
5	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2022-2024	7949814	4289/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.000	7.000	3.000	104,750	Trường THPT Lê Trực	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do ảnh hưởng thiên tai (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	CV của Trường THPT Lê Trực	
6	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Hùng Vương	Bố Trạch	2022-2024	7977904	2316/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	8.000	8.000	1.500	576,853	Trường THPT Hùng Vương	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do ảnh hưởng thiên tai (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	17/CV-THPTHV ngày 01/02/2023	
	LĨNH VỰC Y TẾ												

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	1.000	1.000,000	Sở Y tế	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do nguyên nhân khách quan (Quy hoạch chi tiết do UBND huyện Quảng Ninh tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt... kéo dài) tại điểm d, Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	203/SYT-KHTC ngày 06/02/2023	
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2024	8009064	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3835/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.000	6.000	340	78,702	Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	56/CV-TTYT ngày 06/2/2023	
3	Đầu tư Xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lạng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hoá	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	300	300,000	Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hoá	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	51/CV-BVĐKTH ngày 03/2/2023	
4	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên hóa	Tuyên Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	1.160	1.160,000	Trung tâm y tế huyện Tuyên hóa	Đã hoàn thành các thủ tục hồ sơ và giải ngân nguồn vốn cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCNCKT. Đến nay dự án đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công nên không kịp giải ngân hết nguồn vốn bố trí. (tại điểm d khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	43/TTYT ngày 07/2/2023	
5	Cải tạo, nâng cấp các Trạm Y tế thuộc Trung tâm y tế huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023-2024	8007461	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3786/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	11.000	11.000	580	148,857	Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	Đã hoàn thành giải ngân cho đơn vị khảo sát tư vấn, hiện đang triển khai thực hiện thủ tục KHLCNT (tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	31/TTYT ngày 02/2/2023	
6	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3894/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	22.000	22.000	660	238,515	Trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Đã hoàn thành các thủ tục hồ sơ và giải ngân nguồn vốn cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCNCKT. Đến nay dự án đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công nên không kịp giải ngân hết nguồn vốn bố trí. (tại điểm d khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	65/TTYT ngày 02/2/2023	
7	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	7.000	7.000	430	86,364	Trung tâm y tế huyện Đồng Hới	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	250/CV-TTYT ngày 06/2/2023	
8	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	8009067	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.100	15.100	450	244,228	Trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Dự án phải bổ sung giấy phép môi trường, dẫn đến điều chỉnh phương án thiết kế dự án, không giải ngân kịp nguồn vốn bố trí (tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	119/TTYT-DA ngày 02/2/2023	
9	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	32.000	32.000	1.900	1.900,000	Trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm d, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	157/TTYT ngày 06/2/2023	
LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ													
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró	Đồng Hới	2023-2025	8006813	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	1.500	1.500,000	Sở Văn hóa và Thể thao	Do có sự điều chỉnh phương án quy hoạch nên tiến độ triển khai chậm (Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	130/SVHTT-VP ngày 02/02/2023	
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	7971800	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	75.000	75.000	1.000	1.000,000	UBND huyện Lệ Thủy	Do có điều chỉnh quy hoạch thị trấn Kiến Giang đến năm 2035 nên thủ tục hồ sơ chậm (Điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	172/TTr-UBND ngày 03/02/2023	
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	75.000	75.000	500	500,000	UBND thị xã Ba Đồn	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm d, Khoản 1, Điều 48)	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
4	Đầu tư hệ thống trung tâm tiêu chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	10.000	10.000	200	200,000	Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm	Do quá trình thẩm định giá thiết bị kéo dài nên không giải ngân kịp tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48	11/TTR-TTKT ngày 01/02/2023	
5	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Khoa học công nghệ	Đồng Hới	2022-2023		2936/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	7.000	7.000	2.500	578,038	Sở Khoa học công nghệ	Nguyên nhân khách quan không thể lường trước được trong việc thực hiện các thủ tục xin phê duyệt hạng mục phòng cháy chữa cháy đối với công trình nhà cao tầng theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48	77/TTr-KHCN ngày 02/02/2023	
LĨNH VỰC THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH VSMT													
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Tróc Trâu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023-2025	8011302	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3930/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	28.000	28.000	3.000	2.513,617	UBND huyện Quảng Ninh	Đã hoàn thành các thủ tục hồ sơ và giải ngân nguồn vốn cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCNCKT. Đến nay dự án đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công nên không kịp giải ngân nguồn vốn (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	78/UBND ngày 06/02/2023	
2	Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	17.500	17.500	1.200	1.200,000	UBND huyện Minh Hóa	Quá trình chuẩn bị đầu tư dự án bị ảnh hưởng tiến độ do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	
4	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023-2025	8011442	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3893/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	18.000	18.000	1.200	585,400	UBND huyện Quảng Ninh	Đã hoàn thành các thủ tục hồ sơ và giải ngân nguồn vốn cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCNCKT. Đến nay dự án đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công nên không kịp giải ngân nguồn vốn (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	78/UBND ngày 06/02/2023	
5	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	7971801	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3439/QĐ-UBND ngày 8/12/2022	15.000	15.000	850	417,895	UBND huyện Lệ Thủy	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài không kịp giải ngân hết số vốn chuẩn bị đầu tư đã được bố trí trong năm 2022 tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	172/TTr-UBND ngày 03/02/2023	
6	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sỏi đến thôn Rẫy Cau (đoạn từ cầu Rẫy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Đồng Hới	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	200	200,000	UBND thành phố Đồng Hới	Vướng đến bù GPMB và thủ tục đầu tư tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48 Nghị định 40 của Chính phủ	168/UBND-TCKH ngày 13/02/2023	
7	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hòa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3536/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	17.500	17.500	1.300	627,565	UBND huyện Minh Hóa	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài, bên cạnh đó do ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, QLDA giai đoạn lập BCNCKT...). theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	
8	Xây dựng Kênh tưới Nguyệt Áng - Thê Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	7992521	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2988/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.000	10.000	1.000	511,685	UBND huyện Quảng Ninh	Đã hoàn thành các thủ tục hồ sơ và giải ngân nguồn vốn cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCNCKT. Đến nay dự án đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công nên không kịp giải ngân nguồn vốn (Điểm đ Khoản 1 Điều 48	78/UBND ngày 06/02/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
9	Kê chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	1.200	691,835	UBND huyện Minh Hóa	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài, bên cạnh đó do ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, QLDA giai đoạn lập BCNCKT...). theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	
LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI													
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	420	420,000	UBND thị xã Ba Đồn	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp; bên cạnh đó do ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình (tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	
2	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	7999635	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3467/QĐ-UBND ngày 9/12/2022	20.000	20.000	1.000	422,422	UBND huyện Tuyên Hóa	Do yếu tố khách quan: Đặc điểm các dự án tại huyện Tuyên Hóa đều thuộc địa hình miền núi, thời điểm khảo sát, Lập báo cáo nghiên cứu khả thi có nhiều mưa, địa hình toàn đồi núi có độ dốc lớn, tiến độ khảo sát chậm, dẫn đến chậm tiến độ giải ngân.	151/BC-UBND ngày 16/02/2023	
3	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023-2025	8001817	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3408/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	40.000	40.000	3.510	3.223,783	UBND huyện Quảng Trạch	Do thời điểm khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi mưa nhiều, kéo dài thời gian nên chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư và GPMB tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
4	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3739/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	22.000	22.000	900	315,168	UBND huyện Minh Hóa	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài, bên cạnh đó do ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, QLDA giai đoạn lập BCNCKT...). theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	
5	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	8005509	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3649/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	28.000	28.000	1.500	1.013,418	UBND huyện Quảng Ninh	Đã hoàn thành các thủ tục hồ sơ và giải ngân nguồn vốn cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCNCKT. Đến nay dự án đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công nên không kịp giải ngân nguồn vốn (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	78/UBND ngày 06/02/2023	
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Lệ Thủy	2023-2025	7971798	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3479/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	34.000	34.000	1.800	1.121,707	UBND huyện Lệ Thủy	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài không kịp giải ngân hết số vốn chuẩn bị đầu tư đã được bố trí trong năm 2022 tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	172/TTr-UBND ngày 03/02/2023	
7	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2025	7996403	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2951/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	28.000	28.000	500	209,498	UBND thành phố Đồng Hới	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	168/UBND-TCKH ngày 13/02/2023	
8	Đầu tư xây dựng đường Triệu Quang Phục, Phường Bắc Nghĩa.	Đồng Hới	2023-2025	7985835	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2363/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	30.000	30.000	500	123,066	UBND thành phố Đồng Hới	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	168/UBND-TCKH ngày 13/02/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
9	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2023-2025	7990040	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3036/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	28.000	28.000	1.540	1.270,331	UBND huyện Quảng Trạch	Do thời điểm khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi mưa nhiều, kéo dài thời gian nên chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư và GPMB tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
10	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3811/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	800	630,397	UBND huyện Minh Hóa	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài, bên cạnh đó do ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, QLDA giai đoạn lập BCNCKT...). theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	
11	Tuyến đường kết nối trung tâm Thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023-2025	7994229	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2346/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	27.000	27.000	450	254,450	UBND thị xã Ba Đồn	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	
12	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023-2025	8009069	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3857/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	16.000	16.000	980	764,003	UBND huyện Quảng Trạch	Do thời điểm khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi mưa nhiều, kéo dài thời gian nên chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư và GPMB tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
13	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	7996408	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3380/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	30.000	30.000	1.200	448,989	UBND huyện Tuyên Hóa	Do yếu tố khách quan: Đặc điểm các dự án tại huyện Tuyên Hóa đều thuộc địa hình miền núi, thời điểm khảo sát, Lập báo cáo nghiên cứu khả thi có nhiều mưa, địa hình toàn đồi núi có độ dốc lớn, tiến độ khảo sát chậm, dẫn đến chậm tiến độ giải ngân.	151/BC-UBND ngày 16/02/2023	
14	Tuyến đường giao thông xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3733/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	700	136,911	UBND huyện Minh Hóa	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài, bên cạnh đó do ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, QLDA giai đoạn lập BCNCKT...). theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	
15	Đường liên xã Quảng Tiên đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	7962161	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	500	179,191	UBND thị xã Ba Đồn	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	
16	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	7971802	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3403/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	30.000	30.000	1.150	325,028	UBND huyện Lệ Thủy	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài không kịp giải ngân hết số vốn chuẩn bị đầu tư đã được bố trí trong năm 2022 tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	172/TTr-UBND ngày 03/02/2023	
17	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3788/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	15.000	15.000	650	462,892	UBND huyện Quảng Trạch	Do thời điểm khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi mưa nhiều, kéo dài thời gian nên chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư và GPMB tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
18	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hóa và Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	7997131	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3352/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	24.000	24.000	1.150	423,205	UBND huyện Tuyên Hóa	Đặc điểm các dự án tại huyện Tuyên Hóa đều thuộc địa hình miền núi, thời điểm khảo sát, Lập báo cáo nghiên cứu khả thi có nhiều mưa, địa hình toàn đồi núi có độ dốc lớn, tiến độ khảo sát chậm, dẫn đến chậm tiến độ giải ngân.	151/BC-UBND ngày 16/02/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, 4, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
19	Xây dựng đường liên xã Đình Mười đi Tân Định	Quảng Ninh	2023-2025	8000406	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3377/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	15.000	15.000	1.000	811,810	UBND huyện Quảng Ninh	Đã thẩm định xong bước thiết kế BVTC, chuẩn bị phê duyệt bước TKBVTC và dự toán. Do phải chờ phê duyệt QHCT dự án bệnh viện đa khoa để khớp nối đồng bộ về cơ sở hạ tầng nên chậm tiến độ giải ngân tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	78/UBND ngày 06/02/2023	
20	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	8007702	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3848/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	880	579,969	UBND huyện Tuyên Hóa	Do yếu tố khách quan: Đặc điểm các dự án tại huyện Tuyên Hóa đều thuộc địa hình miền núi, thời điểm khảo sát, Lập báo cáo nghiên cứu khả thi có nhiều mưa, địa hình toàn đồi núi có độ dốc lớn, tiến độ khảo sát chậm, dẫn đến chậm tiến độ giải ngân.	151/BC-UBND ngày 16/02/2023	
21	Cầu vượt lư Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 3797/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	29.000	29.000	900	597,030	UBND huyện Minh Hóa	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài, bên cạnh đó do ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, QLDA giai đoạn lập BCNCKT...). theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	
22	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023-2025	8006811	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	15.000	3.930	3.748,360	UBND huyện Quảng Trạch	Do thời điểm khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi mưa nhiều, kéo dài thời gian nên chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư và GPMB tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
23	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biển phòng Cảng Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023-2025	7998330	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3318/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	37.000	37.000	600	224,152	UBND thị xã Ba Đồn	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	
24	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cửa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	7971803	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2591/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	17.000	17.000	590	161,477	UBND huyện Lệ Thủy	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài không kịp giải ngân hết số vốn chuẩn bị đầu tư đã được bố trí trong năm 2022 tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	172/TT-UBND ngày 03/02/2023	
25	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	7996398	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2870/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	15.000	15.000	400	230,722	UBND thị xã Ba Đồn	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	
26	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023-2025	7996412	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3225/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	22.000	22.000	1.370	1.091,551	UBND huyện Quảng Trạch	Do thời điểm khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi mưa nhiều, kéo dài thời gian nên chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư và GPMB tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
27	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	7999636	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3402/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	15.000	15.000	820	175,570	UBND huyện Tuyên Hóa	Đặc điểm các dự án tại huyện Tuyên Hóa đều thuộc địa hình miền núi, thời điểm khảo sát, Lập báo cáo nghiên cứu khả thi có nhiều mưa, địa hình toàn đồi núi có độ dốc lớn, tiến độ khảo sát chậm, dẫn đến chậm tiến độ giải ngân.	151/BC-UBND ngày 16/02/2023	
28	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hóa	Minh Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3644/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	22.000	22.000	1.000	340,140	UBND huyện Minh Hóa	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài, bên cạnh đó do ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, QLDA giai đoạn lập BCNCKT...). theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
29	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2023-2025	7971799	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	950	950,000	UBND huyện Lệ Thủy	Do có điều chỉnh quy hoạch thị trấn Kiến Giang đến năm 2035 nên thủ tục hồ sơ chậm (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	172/TT-UBND ngày 03/02/2023	
30	Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật kết hợp đường hai đầu cầu qua thôn Minh Tiến xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2024-2026		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	55.000	45.000	500	500,000	UBND thị xã Ba Đồn	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	
31	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	7971795	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3449/QĐ-UBND ngày 9/12/2022	15.000	15.000	450	130,837	UBND huyện Lệ Thủy	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài không kịp giải ngân hết số vốn chuẩn bị đầu tư đã được bố trí trong năm 2022 tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	172/TT-UBND ngày 03/02/2023	
32	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	7997124	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3268/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	23.000	23.000	1.500	1.019,559	UBND huyện Quảng Ninh	Đã hoàn thành các thủ tục hồ sơ và giải ngân nguồn vốn cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCNCKT. Đến nay dự án đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công nên không kịp giải ngân nguồn vốn (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	78/UBND ngày 06/02/2023	
33	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	7994222	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3293/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	15.000	15.000	580	126,316	UBND huyện Tuyên Hóa	Do yếu tố khách quan: Đặc điểm các dự án tại huyện Tuyên Hóa đều thuộc địa hình miền núi, thời điểm khảo sát, Lập báo cáo nghiên cứu khả thi có nhiều mưa, địa hình toàn đồi núi có độ dốc lớn, tiến độ khảo sát chậm, dẫn đến chậm tiến độ giải ngân.	151/BC-UBND ngày 16/02/2023	
34	Tuyến đường từ cầu Ngâm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025	7994239	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3286/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	15.000	15.000	700	132,898	UBND huyện Minh Hóa	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài, bên cạnh đó do ảnh hưởng mưa bão nên khó khăn trong quá trình khảo sát địa chất, địa hình nên chỉ giải ngân các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án (Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, QLDA giai đoạn lập BCNCKT...). theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	
35	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023-2025	7994227	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3189/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	33.000	33.000	1.500	1.029,867	UBND huyện Quảng Ninh	Đã hoàn thành các thủ tục hồ sơ và giải ngân nguồn vốn cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCNCKT. Đến nay dự án đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công nên không kịp giải ngân nguồn vốn (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	78/UBND ngày 06/02/2023	
HẠ TẦNG KỸ THUẬT													
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	7991035	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3019/QĐ-UBND ngày 3/11/2022	25.000	25.000	1.100	80,262	UBND huyện Tuyên Hóa	Đặc điểm các dự án tại huyện Tuyên Hóa đều thuộc địa hình miền núi, thời điểm khảo sát, Lập báo cáo nghiên cứu khả thi có nhiều mưa, địa hình toàn đồi núi có độ dốc lớn, tiến độ khảo sát chậm, dẫn đến chậm tiến độ giải ngân.	151/BC-UBND ngày 16/02/2023	
2	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Quảng Trạch	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3636/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	28.000	28.000	2.500	2.278,116	UBND huyện Quảng Trạch	Do thời điểm khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi mưa nhiều, kéo dài thời gian nên chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư và GPMB tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	7971796	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3280/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	10.000	10.000	450	54,000	UBND huyện Lệ Thủy	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	172/TT-UBND ngày 03/02/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
4	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đồng Hới	2023-2025	8011474	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3931/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	200	19,000	UBND thành phố Đồng Hới	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	168/UBND-TCKH ngày 13/02/2023	
5	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	7997135	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3353/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	9.000	9.000	1.000	729,728	UBND huyện Quảng Ninh	Đã xong các bước lựa chọn nhà thầu xây lắp, đang thực hiện bước GPMB để thi công công trình (Tại Điểm b, đ, Khoản 1, Điều 48)	78/UBND ngày 06/02/2023	
6	Chính trang đô thị đường Trương Pháp	Đồng Hới	2023-2025	8010454	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3895/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	36.575	36.575	500	19,955	UBND thành phố Đồng Hới	Dự án chuẩn bị đầu tư nên vướng một số thủ tục làm chậm tiến độ giải ngân (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	168/UBND-TCKH ngày 13/02/2023	
7	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	65.000	65.000	2.500	2.500,000	UBND huyện Quảng Ninh	Hiện nay đang thực hiện bước lập dự án do phải thực hiện Quy hoạch chi tiết ở vị trí mới nên mất nhiều thời gian (tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	78/UBND ngày 06/02/2023	
LĨNH VỰC DU LỊCH													
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bố Trạch	2023-2025	8011735	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	12.500	12.500	500	14,268	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	Đã hoàn thành giải ngân cho đơn vị khảo sát tư vấn, hiện đang triển khai thực hiện thủ tục KHLCNT (tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	27/TTTTXIDL ngày 03/2/2023	
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	45.000	25.000	500	500,000	UBND thị xã Ba Đồn	Vướng mắc do phải điều chỉnh quy hoạch chi tiết nên kéo dài thời gian (tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	2023-2025	8005510	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3660/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	22.000	22.000	1.300	823,573	UBND huyện Quảng Ninh	Đã hoàn thành các thủ tục hồ sơ và giải ngân nguồn vốn cho đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCNCKT. Đến nay dự án đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công nên không kịp giải ngân nguồn vốn (Điểm đ Khoản 1 Điều 48)	78/UBND ngày 06/02/2023	
LĨNH VỰC KHÁC													
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho BQL Khu DTTN Đông Châu-Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023-2025	7994235	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3161/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	900	57,697	BQL Khu DTTN Đông Châu-Khe Nước Trong	Theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, trong đó năm 2022 thực hiện được 03 gói thầu: Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án; Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; Thẩm tra bản vẽ thi công và dự toán. Các gói thầu còn lại qua quý I/2023 mới bắt đầu lựa chọn nhà thầu tại Điểm đ Khoản 1 Điều 48	20/BC-ĐCKNT ngày 05/02/2023	
2	Xây dựng Trụ sở xã Ngư Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	7971797	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3852/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	1.000	643,025	UBND huyện Lệ Thủy	Dự án phải lập thiết kế 02 bước nên các thủ tục kéo dài không kịp giải ngân hết số vốn chuẩn bị đầu tư đã được bố trí trong năm 2022 tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 48	172/TTr-UBND ngày 03/02/2023	
III NGUỒN XỐ SỐ KIẾN THIẾT						82.500	82.500	6.900	2.258,025				
1	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	7819725	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	1.500	1.045,419	Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	58/TTr-BV ngày 02/02/2023	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
2	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bồ Trạch	Bồ Trạch	2023-2025	8006304	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3737/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.500	15.500	830	706,392	Trung tâm y tế huyện Bồ Trạch	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	36/TTYT ngày 02/2/2023	
3	Xây dựng mới nhà cận lâm sàng phòng khám đa khoa Khu vực Hóa Tiến, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	300	300,000	Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	53/BC-BV ngày 19/1/2023	
4	Nhà điều trị và hạ tầng kỹ thuật Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2020-2022	8010453	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	11.000	11.000	4.270	206,214	Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	58/TTr-BV ngày 02/2/2023	
C	Nghị quyết 81/NQ-HĐND ngày 09/09/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 26/9/2022					410.078	410.078	58.892	37.534,394				
I	NGUỒN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC					85.000	85.000	13.750	9.698,419				
1	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	Đồng Hới	2023-2025		43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	25.000	25.000	1.000	1.000,000	VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Vướng mắc về mặt bằng xây dựng, quy hoạch (tại điểm đ, Khoản 1, Điều 48)	35/VP-HCTCQT ngày 03/02/2023	
2	Hạ tầng KCN Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022-2024	7954648	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1170/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	60.000	60.000	12.750	8.698,419	BQL khu Kinh tế	Nút giao thông dự án với đường Phan Đình Phùng vương 01 hộ dân phải bố trí tái định cư nên phải điều chỉnh quy hoạch phục vụ bố trí tái định cư; một số hộ dân không đồng ý quy chủ; do vướng mắc PCCC. Do ảnh hưởng của thời tiết vào cuối năm nên việc thi công gặp nhiều khó khăn vì vậy không giải ngân hết số vốn bố trí tại điểm đ, khoản 1, Điều 48	105/KKT-KHHT ngày 03/02/2023; 283/KKT ngày 14/03/2023	Tại NQ 45: 18 tỷ đã giải ngân 100%
II	NGUỒN THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT					325.078	325.078	45.142	27.835,975				
1	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2017-2024	7608143	3473/QĐ-UBND ngày 02/10/2017; 93/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	176.748	176.748	20.982	14.812,578	UBND tỉnh (BQLDA Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới)	Do chưa hoàn thành công tác GPMB để bàn giao chỉ nhà thầu thi công các gói thầu của dự án; Theo hiệp định ký kết thi đến 31/12/2022 Dự án kết thúc trên hiện trường, do vậy toàn bộ nguồn vốn còn lại của dự án được dồn hết vào năm 2022, dẫn đến vượt quá khả năng giải ngân thực tế của năm 2022; Dự án được thiết kế và phê duyệt từ năm 2016 đến nay một số hạng mục chủ yếu là hệ thống thoát nước không còn phù hợp với thực tế nên cần thiết phải điều chỉnh đảm bảo hiệu quả đầu tư, do đó mất nhiều thời gian để thực hiện các thủ tục điều chỉnh thiết kế, dự toán, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân theo quy định tại điểm b, đ khoản 1, Điều 48	77/BQLDA ngày 09/02/2023; 162/BQLDA ngày 10/03/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
2	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018-2023	7736318	3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	6.910	2.760,551	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các gói đầu tư hỗ trợ công nghệ chưa có hướng dẫn cụ thể trong Sổ tay thực hiện dự án (POM) nên mất nhiều thời gian để triển khai và xin ý kiến nhà tài trợ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân dự án; ngoài ra dự án đang thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, nên BQLDA chưa có cơ sở triển khai thực hiện và thanh toán các hoạt động khoán bảo vệ rừng; các gói thầu khảo sát thiết kế, lập bc kt-kt các gói hạ tầng kỹ thuật, công nghệ dẫn đến không giải ngân hoàn thành kế hoạch vốn (Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	176/SNN-KHTC ngày 06/02/2023	
3	Hạ tầng KCN Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022-2024	7954648	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1170/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	60.000	60.000	2.250	2.250,000	BQL khu Kinh tế	Nút giao thông dự án với đường Phan Đình Phùng vương 01 hộ dân phải bố trí tái định cư nên phải điều chỉnh quy hoạch phục vụ bố trí tái định cư, một số hộ dân không đồng ý quy chế; do vướng mắc PCCC. Do ảnh hưởng của thời tiết vào cuối năm nên việc thi công gặp nhiều khó khăn vì vậy không giải ngân hết số vốn bố trí tại điểm đ, khoản 1, Điều 48	105/KKT-KHTH ngày 03/02/2023; 283/KKT ngày 14/03/2023	Tại NQ 45 bổ tri 18 tỷ đã giải ngân 100%
4	Đầu tư xây dựng các trục đường giao thông Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hâu	Quảng Ninh	2017-2024	7892940	3207/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 408/QĐ-UBND ngày 13/02/2017; 1142/QĐ-UBND ngày 10/4/2018; 861/QĐ-UBND ngày 23/03/2021; 41/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1171/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	57000	57000	15.000	8.012,846	BQL khu Kinh tế	Do vướng đến bù GPMB, một số ngôi mộ và 01 lăng mộ chưa tìm được chủ; một số lăng mộ nằm giữa tuyến chính đã công khai phương án nhưng phải chờ gia đình tìm đất để đi dời, cắt bóc. Một số khác đã nhận tiền bồi thường GPMB tại điểm đ, khoản 1, Điều 48	105/KKT-KHTH ngày 03/02/2023; 283/KKT ngày 14/03/2023	Tại NQ 45 bổ tri 12 tỷ đã giải ngân 100%
D	Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 22/12/2022					4.811.000	1.107.000	106.600	101.229,492				
I	NGUỒN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC					1.314.000	307.000	21.835	16.712,270				
1	Nâng cấp tuyến đường từ Km 51, đường tỉnh 562 vào đến UBND xã Thượng Trạch	Bố Trạch	2021-2023	7004686	926/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	14.000	7.000	6.000	877,270	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Vốn được bổ sung bố trí cuối năm 2022, bên cạnh đó do thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công (Tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	318/BCH-HC ngày 03/02/2023	
2	Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường hai đầu cầu	Đồng Hới	2022-2026	7945470	2409/QĐ-UBND ngày 6/9/2022	1.300.000	300.000	15.835	15.835,000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Do đánh hưởng của mùa gió kéo dài trong giai đoạn khảo sát địa hình, địa chất, công tác GPMB một số hộ dân do vướng về quy chủ đất đai nên không giải ngân kịp trong năm 2022 (Tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	Văn bản số 29/QLDA-KHTH ngày 01/02/2023	Tại NQ 45 bổ tri 50 tỷ đã giải ngân 100%
II	NGUỒN THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT					3.497.000	800.000	84.765	84.517,222				
1	Đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021-2026		160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021								



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
-	Dự án thành phần 1: Đường ven biển	Toàn tỉnh	2021-2026	7234211	1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021; 812/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh	2.197.000	500.000	45.600	45.600,000	Sở Giao thông Vận tải	Nguồn NSDP chủ yếu dùng chi trả công tác GPMB tuy nhiên trong quá trình triển khai do vướng mắc thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng kéo dài. UBND tỉnh đã trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ. (Điểm đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP).	227/SGTVT-KTTH ngày 02/02/2023; 668 ngày 13/03/2023	Tại NQ 45/NQ-HĐND bổ trí:250 tỷ chưa giải ngân hết số vốn bổ trí; Tại NQ 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 Bổ trí 29,757 tỷ đồng, đã giải ngân 100% (điều chỉnh nguồn kéo dài 2021 sang 2022; Bổ trí 45,6 tỷ đồng (điều chỉnh KH vốn năm 2022), đến nay chưa giải ngân
-	Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường hai đầu cầu	Đồng Hới	2022-2026	7945470	2409/QĐ-UBND ngày 6/9/2022	1.300.000	300.000	39.165	38.917,222	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Do đánh hưởng của mưa gió kéo dài trong giai đoạn khảo sát địa hình, địa chất, công tác GPMB một số hộ dân do vướng về quy chủ đất đai nên không giải ngân kịp trong năm 2022 (Tại điểm đ, khoản 1, Điều 48)	Văn bản số 29/QLDA-KHTH ngày 01/02/2023	Tại NQ 45 bổ trí 50 tỷ đã giải ngân 100%
E	Quyết định số 3527/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh về bổ trí công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ xây dựng cơ bản					3.461	3.371	2.046	2.016,836				
1	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2019-2021	7785923	2999/QĐ-UBND này 08/6/2019	3.461	3.371	46	16,836	Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy	Dự án hoàn thành bổ trí công trình quyết toán trả nợ theo quy định tại điểm c, Khoản 1 Điều 48	210/TTr-TTYT ngày 10/2/2023	
2	Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 (thực hiện Quyết định số 616/QĐ-TTg ngày 07/05/2020 của Thủ tướng Chính phủ							2.000	2.000,000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Do vướng một số thủ tục pháp lý ảnh hưởng đến độ giải ngân vốn theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 48		
F	Nghị quyết 96/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới							30.000	30.000				
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững							5.000	5.000				
1	Bê tông hóa các tuyến đường GTNT xã Liên Trạch	Liên Trạch	2022-2024					1.250	1.250	UBND xã Liên Trạch	Do dự án được bổ trí vốn muộn vào cuối tháng 12/2022 nên không giải ngân kịp trong năm 2022	119/UBND ngày 3/2/2023	
2	Hạ tầng kỹ thuật kết nối tuyến đường từ cầu vượt lữ Liên Trường- Phủ Hóa đi trung tâm xã Phủ Hóa, huyện Quảng Trạch	Phù Hóa	2022-2024					1.250	1.250	UBND xã Phủ Hóa	Do dự án được bổ trí vốn muộn vào cuối tháng 12/2022 nên không giải ngân kịp trong năm 2022	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
3	Đường kết hợp mái kê chống sạt lở phía sau trụ sở UBND xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy	Ngư Thủy Bắc	2022-2024					1.250	1.250	UBND xã Ngư Thủy Bắc	Do dự án được bổ trí vốn muộn vào cuối tháng 12/2022 nên không giải ngân kịp trong năm 2022	35/CV-UBND ngày 02/02/2023	
4	Đường từ trung tâm trụ sở mới về biển xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy	Ngư Thủy	2022-2024					1.250	1.250	UBND xã Ngư Thủy	Do dự án được bổ trí vốn muộn vào cuối tháng 12/2022 nên không giải ngân kịp trong năm 2022	36/CV-UBND ngày 01/02/2023	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn 2022 sang năm 2023	Chủ đầu tư	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Văn bản đề xuất kéo dài của chủ đầu tư	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới							25.000	25.000				
1	Đường GTNT nội vùng, nội đồng thôn Tân Lý và thôn Lạc Thiện xã Minh Hóa	Minh Hóa	2022-2024					2.270	2.270	UBND xã Minh Hóa	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023	
2	Kiến cố hóa các tuyến đường giao thông thôn Tân Thượng xã Quảng Hải	Ba Đồn	2022-2024					2.270	2.270	UBND xã Quảng Hải	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	47/BC-UBND ngày 10/02/2023	
3	Đường GTNT theo tiêu chí nông thôn mới xã Hùng Trạch	Bố Trạch	2022-2024					2.270	2.270	UBND xã Hùng Trạch	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	119/UB ngày 03/2/2023	
4	Xây dựng các tuyến đường thuộc xã Phong Thủy để hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới	Lệ Thủy	2022-2024					2.270	2.270	UBND xã Phong Thủy	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	56/CV-UB ngày 03/2/2023 của UBND xã Phong Thủy	
5	Nâng cấp tuyến kênh N2A Nam từ thôn Đức Giang đi thôn Đức Môn và Tuyến Hoang Thâu thôn Đức Giang đến mương Phóng Thủy xã Đức Ninh	Đức Ninh	2022-2024					2.270	2.270	UBND xã Đức Ninh	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	168/UBND-TCKH ngày 13/02/2023	
6	Các tuyến đường giao thông nông thôn xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2022-2024					2.270	2.270	UBND xã Thạch Hóa	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	93a/BC-UBND ngày 04/02/2023	
7	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Liên Sơn xã Mai Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025					2.270	2.270	UBND xã Mai Hóa	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	93a/BC-UBND ngày 04/02/2023	
8	Khắc phục tuyến đường giao thông từ thôn Hà Tiến đi các trường tiểu học, THCS Quảng Tiến, xã Quảng Tiến	Quảng Trạch	2022-2024					2.270	2.270	UBND xã Quảng Tiến	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
9	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Tiên Tiến xã Quảng Châu	Quảng Trạch	2022-2024					2.270	2.270	UBND xã Quảng Châu	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	23/BC-UBND ngày 7/2/2023	
10	Nâng cấp mở rộng đường vào bản Lâm Ninh và bản Khe Ngang, xã Trường Xuân	Quảng Ninh	2022-2024					2.300	2.300	UBND xã Trường Xuân	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	04/TTr-UB ngày 03/2/2023 của UBND xã Trường Xuân	
11	Đường nối từ đường trục chính đi xóm 3 thôn Trường Niên, xã Hàm Ninh	Quảng Ninh	2022-2024					2.270	2.270	UBND xã Hàm Ninh	Do nguồn vốn mới phân bổ cuối năm 2022 nên chưa kịp triển khai thực hiện	08/TTr-UB ngày 03/2/2023 của UBND xã Hàm Ninh	



PHỤ LỤC II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 DO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KẾ HOẠCH 2022 KÉO DÀI SANG NĂM 2023		
		Tổng số	Cấp huyện	Cấp xã
1	Huyện Lệ Thủy			
2	Huyện Quảng Ninh	41.949.388.242	32.223.528.110	9.725.860.132
3	Thành phố Đồng Hới	68.643.162.781	33.175.827.551	35.467.335.230
4	Huyện Bố Trạch	2.367.230.000	2.367.230.000	
5	Huyện Quảng Trạch	10.995.437.192	9.995.437.192	1.000.000.000
6	Thị xã Ba Đồn	19.289.206.379	6.344.824.872	12.944.381.507
7	Huyện Tuyên Hóa	8.048.741.016	1.348.149.419	6.700.591.597
8	Huyện Minh Hóa	10.876.934.000	2.286.165.000	8.590.769.000
	Tổng số	162.170.099.610	87.741.162.144	74.428.937.466

Biểu số II.1
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023
 (Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
	THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI (Tại Văn bản 168/UBND-TCKH ngày 13/02/2023 của UBND thành phố Đồng Hới Công văn số 234/UBND-TCKH ngày 23/02/2023)				197.560.859.390	68.643.162.781		
	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ				109.521.184.000	33.175.827.551		
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG				12.900.000.000	3.636.994.000		
1	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật TP	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7880780	1.500.000.000	54.992.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
2	Công viên, vỉa hè đường phía Đông dọc sông cầu Rào (đoạn từ đường 23/8 đến đường quy hoạch 27m)	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7879423	2.900.000.000	430.984.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
3	Nhà đa năng và sân bóng đá, đường chạy thể dục Trường tiểu học số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7880775	2.500.000.000	1.198.244.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
4	Nâng cấp đường Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Đóa, Ngô Thế Lân xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7906681	6.000.000.000	1.952.774.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
II	NGUỒN VỐN QUỸ ĐẤT				96.621.184.000	29.538.833.551		
1	Đường Phan Huy Chú (đoạn qua chi cục đo lường chất lượng)	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7892117	2.000.000.000	2.000.000.000	Do vướng mắc công tác GPMB và phát sinh tăng chi phí đền bù, GPMB, chi phí di dời hệ thống cấp nước hiện có nên tiến độ thực hiện dự án chậm so với kế hoạch đã duyệt thuộc điểm b, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
2	Nhà đa năng Trường THCS số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7886728	2.000.000.000	711.177.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
3	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường MN Bắc Nghĩa (cơ sở 2)	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7886729	2.500.000.000	224.448.280	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
4	Nhà đa năng, bếp công hàng rào sân nhà vệ sinh trường tiểu học số 2 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7880778	3.500.000.000	365.466.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
5	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng nhà đa năng và sân hàng rào nhà bảo vệ sân bóng đá mini trường tiểu học số 1 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7872429	4.500.000.000	89.491.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
6	Xây dựng 4 phòng chức năng nhà đa năng hàng rào trường THCS số 2 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7872427	4.500.000.000	322.948.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
7	Đường từ khu công nghiệp Lộc Ninh đến đường tránh TP Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	2021-2023	7907228	1.960.000.000	34.009.000	Do công tác đền bù GPMB kéo dài nên làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án dẫn đến nguồn vốn bố trí cho dự án không kịp giải ngân hết trong năm, thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
8	Xây dựng nhà đa năng, sân trường tiểu học Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2021-2023	7906691	1.700.000.000	1.691.582.000	Quá trình triển khai thực hiện phải điều chỉnh thiết kế dẫn đến làm chậm tiến độ triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, tình hình mưa bão giai đoạn cuối năm khiến cho dự án không kịp thời giải ngân hết vốn kế hoạch trong năm thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
9	Đường nối đường Trương Phúc Phần đến khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	2021-2023	7907227	968.000.000	52.150.000	Do công tác đền bù GPMB kéo dài nên làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án dẫn đến nguồn vốn bố trí cho dự án không kịp giải ngân hết trong năm, thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
10	Đường sắt trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình	UBND thành phố Đồng Hới	2021-2023	7906693	1.255.000.000	214.914.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
11	Nâng cấp đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024		150.000.000	150.000.000	Vốn bố trí để thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án. Dự án có tính chất phức tạp, nên hồ sơ chưa hoàn thiện để giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân trong năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7935/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
12	Nâng cấp cải tạo công viên trung tâm phường Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024		150.000.000	150.000.000	Vốn bố trí để thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án. Dự án có tính chất phức tạp, nên hồ sơ chưa hoàn thiện để giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân trong năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7935/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
13	XD Trung tâm văn hóa thể thao TP Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024		200.000.000	200.000.000	Vốn bố trí để thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án. Dự án có tính chất phức tạp, quy mô lớn, nên hồ sơ chưa hoàn thiện để giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân trong năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7935/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
14	Trang trí đèn LED bùng binh điện lực, Bùng binh Bưu Điện, bùng binh Trần Hưng Đạo - Võ Nguyên Giáp và tháp nước Đồng Mỹ	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024		100.000.000	100.000.000	Vốn bố trí để thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án. Dự án có tính chất phức tạp, tính thẩm mỹ cao, nên hồ sơ chưa hoàn thiện để giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân trong năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7935/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
15	Mua sắm trang thiết bị dạy và học ở dãy phòng học 4 tầng 12 phòng và 01 phòng thư viện trường THCS số 1 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024	7970838	50.000.000	22.608.000	Vốn bố trí cho công tác chuẩn bị đầu tư nhiều hơn chi phí phải thanh toán. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân trong năm sau cho các hạng mục khác. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7935/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
16	Nạo vét xây kè chống xói lở hệ thống kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sỏi qua cầu Rầy Cau	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024	7962658	2.980.000.000	1.281.301.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3172/QĐ-UBND ngày 13/07/2022
17	Trồng cây xanh đường 36m (đoạn từ đường tránh TP đến đường HCM)	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024	7964936	2.200.000.000	46.796.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3310/QĐ-UBND ngày 21/07/2022
18	Công chào thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	2018-2021	7603340	3.814.850.000	1.520.773.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
19	Nhà đa năng, bếp, cổng hàng rào, sân, nhà vệ sinh Trường TH số 2 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7880778	722.518.000	109.068.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
20	Nhà đa năng Trường TH - THCS Thuận Đức (điểm trường THCS)	UBND thành phố Đồng Hới	2020-2022	7880779	840.749.000	180.071.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
21	Đường thôn Diêm Sơn, xã Đức Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2019-2022	7731308	3.190.460.000	1.245.158.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
22	Đường Trần Ninh xã Đức Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2019-2022	7740228	2.332.816.000	783.331.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
23	Nâng cấp đê Rầy Ho xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2019-2021	7793158	759.791.000	116.931.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
24	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, hàng rào trường THCS Đức Ninh Đông	UBND thành phố Đồng Hới	2021-2023	7902987	1.500.000.000	1.017.979.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
25	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, cổng hàng rào Trường THCS Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	2021-2023	7906692	1.300.000.000	184.239.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
26	XD nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà bếp trường tiểu học Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2021-2023	7902993	1.700.000.000	29.537.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
27	Đường trong cụm tiểu thủ công nghiệp xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2021-2023	7893946	1.200.000.000	69.700.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
28	Đường từ nhà máy Ceramic đến bãi rác thải xây dựng	UBND thành phố Đồng Hới	2021-2023	7907229	900.000.000	589.953.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
29	Bãi tắm số 2 Bảo Ninh (giai đoạn 3)	UBND thành phố Đồng Hới	2022	7731301	600.000.000	321.322.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/08/2022
30	Mua sắm trang thiết bị dạy và học ở đây phòng học 4 tầng 12 phòng và 01 phòng thư viện trường THCS số 1 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024	7970838	400.000.000	400.000.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3871/QĐ-UBND ngày 23/08/2022
31	Nâng cấp đường và cầu đường Phan Đăng Lưu, phường Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024	7989297	470.000.000	19.511.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 5609/QĐ-UBND ngày 16/11/2022
32	Nâng cấp, sửa chữa đường Trịnh Hoài Đức, đường Thái Phiên phường Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024	7988574	1.200.000.000	54.365.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 5507/QĐ-UBND ngày 09/11/2022
33	Đầu tư xây dựng đường và vỉa hè xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024	7988575	1.800.000.000	26.129.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 5507/QĐ-UBND ngày 09/11/2022
34	Mua sắm thiết bị các phòng chức năng trường TH số 3 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2022	7992508	1.100.000.000	61.261.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Dự án không được bố trí vốn trong năm sau, do đó đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 5684/QĐ-UBND ngày 21/11/2022
35	Nâng cấp đường Phan Đình Giót, Trần Nguyễn Hân và Đại Phong phường Đồng Phú	UBND thành phố Đồng Hới	2022-2024	7992518	4.000.000.000	400.270.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 5721/QĐ-UBND ngày 24/11/2022
36	Cải tạo cột đồng Hồ tại công viên Đồng Mỹ	UBND thành phố Đồng Hới	2022	7997128	1.150.000.000	69.962.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 6053/QĐ-UBND ngày 09/12/2022
37	Xây dựng thư viện bếp ăn các phòng học chức năng và cải tạo tu sửa cơ sở vật chất dãy nhà B trường Tiểu học Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	2022-2024	7981516	750.000.000	37.090.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 4930/QĐ-UBND ngày 18/10/2022
38	Mua sắm trang thiết bị, CSVC nhà văn hóa các Tổ dân phố phường Đồng Phú	UBND phường Đồng Phú	2021-2023		900.000.000	900.000.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Dự án không được bố trí vốn trong năm sau, do đó đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 3759/QĐ-UBND ngày 16/8/2022
39	Sửa chữa nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước ngõ 40 đường Đồng Hải phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	2022-2023	7997129	800.000.000	602.570.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 6125/QĐ-UBND ngày 14/12/2022
40	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa các thôn 5,7,9,10,11 xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	2022-2023	7991453	500.000.000	2.403.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 3759/QĐ-UBND ngày 16/8/2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
41	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	2022-2023	8003520	400.000.000	213.500.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3759/QĐ-UBND ngày 16/8/2022
42	Nhà văn hóa Bắc Hồng Phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	2021-2023	1111111	300.000.000	300.000.000	Thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án chậm do phải thực hiện việc lấy ý kiến đồng thuận trong nhân dân, dẫn đến tiến độ dự án chậm so với kế hoạch. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3759/QĐ-UBND ngày 16/8/2022
43	Nhà văn hóa Diêm Hải Phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	2021-2023	2222222	300.000.000	300.000.000	Thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án chậm do phải thực hiện việc lấy ý kiến đồng thuận trong nhân dân, dẫn đến tiến độ dự án chậm so với kế hoạch. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3759/QĐ-UBND ngày 16/8/2022
44	Cải tạo dãy nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và hàng rào trường mầm non Thuận Đức (cơ sở 1)	UBND xã Thuận Đức	2022-2023	7955193	720.000.000	76.057.300	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1732/QĐ-UBND ngày 10/05/2022 và Số 6351/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
45	Mua sắm thiết bị trường TH-THCS xã Thuận Đức (điểm trường THCS)	UBND xã Thuận Đức	2022-2023	7979549	1.000.000.000	23.160.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 4392/QĐ-UBND ngày 21/09/2022 và Số 6351/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
46	Xây dựng kè đê sông Phú Vinh đoạn qua thôn Đức Thị và thôn Đức Giang, thôn Đức Môn, xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2024	7964604	600.000.000	3.665.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3453/QĐ-UBND ngày 26/7/2022
47	Đầu tư xây dựng Tuyến đường giao thông nội đồng Hới Thủ Đức Hoa, Mang Thà và tuyến Hoang Thọ Đức Thị xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7950912	400.000.000	16.116.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1255/QĐ-UBND ngày 19/4/2022
48	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tân Phú	UBND xã Quang Phú	2022-2024	3333333	300.000.000	300.000.000	Thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án chậm do phải thực hiện việc lấy ý kiến đồng thuận trong nhân dân, dẫn đến tiến độ dự án chậm so với kế hoạch. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3759/QĐ-UBND ngày 16/8/2022
49	Xây dựng khu vực công viên cây xanh I-CX19 phía trước nghĩa trang Nam Lý	UBND phường Nam Lý	2022-2023	7988603	300.000.000	231.667.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 5507/QĐ-UBND ngày 09/11/2022
50	Khắc phục sửa chữa nâng cấp Trần, Đê xã Nghĩa Ninh- Vinh Ninh (Lệ Kỳ)	UBND xã Nghĩa Ninh	2021-2023	7928112	#####	1.379.054.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
51	Đầu tư xây dựng đường GTNT tuyến Lò Vôi đi Lùm Cây xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	2022-2023	7954202	800.000.000	179.137.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1542/QĐ-UBND ngày 04/5/2022
52	Đường GTND tuyến thôn Trung Nghĩa 4 đi giáp Cây Dừa đồng Cồn xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	2022-2023	7997128	720.000.000	318.179.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 6156/QĐ-UBND ngày 16/12/2022
53	Nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước thôn Hà Thôn xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2024	7957587	700.000.000	9.142.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2049/QĐ-UBND ngày 5/05/2022
54	Sửa chữa cải tạo trạm y tế xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	7992514	500.000.000	376.016.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 5377/QĐ-UBND ngày 7/11/2022
55	Nâng cấp các tuyến đường thôn Sa Động, xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	7998328	900.000.000	900.000.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 6053/QĐ-UBND ngày 9/12/2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
56	Chòi cứu hộ bãi biển Nhật Lệ 2, phường Hải Thành	Đội Quy tắc và Trật tự đô thị	2022-2023	7996405	500.000.000	144.073.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 5686/QĐ-UBND ngày 21/11/2022
57	Tháp cứu hộ, cứu nạn bãi tắm biển Nhật Lệ 1	Đội Quy tắc và Trật tự đô thị	2022-2023	7996406	300.000.000	224.807.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 5684/QĐ-UBND ngày 21/11/2022
58	Đường giao thông nội đồng Con Théo phường Bắc Nghĩa	Phòng kinh tế	2022-2023	7948955	520.000.000	186.179.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 769/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 và số 7935/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
59	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Ban quản lý dự án ĐTXD thành phố (Trụ sở cũ tại địa chỉ 68 Ngô Quyền, phường Đồng Phú)	Ban Quản lý DVCI thành phố	2021-2023	7910107	2.577.000.000	131.291.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và số 3750/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
60	Nâng cấp, sửa chữa nhà điều hành, hệ thống tấm tráng nước ngọt tại Quảng trường biển Bảo Ninh	Ban Quản lý DVCI thành phố	2022-2023	7948940	1.196.000.000	78.273.382	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 707/QĐ-UBND ngày 11/03/2022 và số 3750/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
61	Mua xe bán tải phục vụ công việc chuyên môn	Ban Quản lý DVCI thành phố	2022	7948941	750.000.000	17.530.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 707/QĐ-UBND ngày 11/03/2022
62	Mua sắm thiết bị văn phòng Trụ sở Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	Ban Quản lý DVCI thành phố	2022	7979544	700.000.000	16.397.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 2852/QĐ-UBND ngày 29/6/2022
63	Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Dung phường Bắc Lý	Phòng Quản lý đô thị	2021-2023	7918022	1.780.000.000	380.617.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3750/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 và số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
64	Sửa chữa, nâng cấp cống thoát nước qua kênh tưới tiêu trên phường Bắc Nghĩa và các tuyến đường Đoàn Chí Tuấn, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Kim Chi	Phòng Quản lý đô thị	2021-2023	7925152	600.000.000	568.063.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
65	Sửa chữa khắc phục ngập đọng trên địa bàn phường Nam Lý	Phòng Quản lý đô thị	2022-2023	7960001	500.000.000	96.492.309	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2602/QĐ-UBND ngày 17/6/2022
66	Sửa chữa duy tu các tuyến đường, cống do thành phố quản lý	Phòng Quản lý đô thị	2022-2023	7964920	1.180.000.000	77.661.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 6351/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 và số 3871/QĐ-UBND ngày 23/8/2022
67	Xây dựng ngầm trần chống ngập lụt khu dân cư tổ 8 thôn Thuận Vinh xã Thuận Đức	Phòng Quản lý đô thị	2022-2023	7971792	700.000.000	13.488.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 4097/QĐ-UBND ngày 31/8/2022
68	Nâng cấp, sửa chữa đường và cống qua đường khu vực Bàu Me xã Lộc Ninh	Phòng Quản lý đô thị	2022-2023	7973775	1.200.000.000	161.712.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 4169/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 và số 6351/QĐ-UBND ngày 26/12/2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
69	Nâng cấp, sửa chữa chống ngập úng một số tuyến đường do thành phố quản lý	Phòng Quản lý đô thị	2022-2023	7973778	1.194.000.000	59.131.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 4169/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 và số 6351/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
70	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển đô thị phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	Phòng Quản lý đô thị	2021-2023	7988589	520.000.000	399.327.000	Dự án Quy hoạch có tính chất đặc thù do đó đề xuất kéo dài vốn để thực hiện giải ngân trong năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 4429/QĐ-UBND ngày 23/9/2022
71	Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới tỷ lệ 1/2000	Phòng Quản lý đô thị	2021-2023	8007380	500.000.000	500.000.000	Dự án Quy hoạch có tính chất đặc thù do đó đề xuất kéo dài vốn để thực hiện giải ngân trong năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 240/QĐ-UBND ngày 20/01/2022
72	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, ngõ trên địa bàn các phường Nam Lý, Bắc Lý và Đồng Phú	Phòng Quản lý đô thị	2021-2023	7925153	584.000.000	21.494.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
73	Nâng cấp sân và xây dựng hàng rào chợ Công Đoàn phường Bắc Lý	Ban quản lý chợ	2021-2022	7920608	200.000.000	77.099.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
74	Nhà điều trị nội trú liên chuyên khoa Bệnh viện đa khoa Đồng Hới	Bệnh viện đa khoa	2021-2023	7943454	2.500.000.000	1.500.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và số 3750/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
75	Mở rộng khuôn viên Bệnh viện đa khoa Đồng Hới	Bệnh viện đa khoa	2020-2022	7875203	896.000.000	484.922.280	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dẫn đến không giải ngân hết số vốn trong năm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục giải ngân năm sau. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
76	Mua sắm trang thiết bị phòng khánh tiết Thành ủy	Văn phòng Thành ủy	2022	7998338	650.000.000	186.009.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Do đó đề xuất kéo dài sang năm 2023 để triển khai thực hiện. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 5377/QĐ-UBND ngày 07/11/2022
77	Cải tạo, sửa chữa mua sắm các phòng làm việc cơ quan Thành ủy	Văn phòng Thành ủy	2022-2023	7998339	1.290.000.000	1.290.000.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Do đó đề xuất kéo dài sang năm 2023 để triển khai thực hiện. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 5357/QĐ-UBND ngày 04/11/2022
78	SC nhà ăn nhà bếp và hàng rào phía đông Đại đội Nữ DQTT PPK 37 mm	Ban CHQS Thành phố	2021-2022	7004686	700.000.000	18.438.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
79	Mua sắm công cụ hỗ trợ cho DQCB các xã, phường và thành phố	Ban CHQS Thành phố	2022-2024	7004686	400.000.000	87.416.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 3872/QĐ-UBND ngày 22/8/2022
80	Xây dựng công trình sân điều lệnh và khu rèn luyện TT ngoài trời	Ban CHQS Thành phố	2022-2023	7004686	700.000.000	470.834.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 6125/QĐ-UBND ngày 14/12/2022
81	Nhà trực Ban CHQS xã Quang Phú	Ban CHQS Thành phố	2022-2023	7004686	650.000.000	573.373.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 5866/QĐ-UBND ngày 02/12/2022
82	Xây dựng gara để xe ô tô, xe máy trụ sở Công an thành phố	Công an thành phố	2021-2021	700469206	750.000.000	750.000.000	Dự án được bổ sung vào giữa năm, quá trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không kịp giải ngân vốn trong năm. Đề xuất kéo dài vốn để tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021
	CẤP XÃ QUẢN LÝ (NGUỒN VỐN QUỸ ĐẤT (I+...+X))				88.039.675.390	35.467.335.230		
I	UBND XÃ ĐỨC NINH				26.310.241.000	8.172.925.680		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
1	Xây dựng kè đê sông Phú Vinh đoạn qua thôn Đức Thị, thôn Đức Giang, thôn Đức Môn, xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2024	7964604	6.000.000.000	602.452.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
2	Nâng cấp hệ thống Camera An ninh trên địa bàn xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7992507	1.000.000.000	10.000.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
3	Kè hồ, nạo vét, điện trang trí Nghĩa trang liệt sỹ xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7991451	2.120.000.000	1.455.545.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
4	Nâng cấp đường Nguyễn Đăng Giai (đoạn qua thôn Đức Thủy) và thoát nước thôn Đức Môn, xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7991452	3.000.000.000	1.660.861.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
5	Cải tạo trụ sở làm việc UBND xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7993548	2.700.000.000	1.400.403.000	Dự án được bổ sung vào giai đoạn giữa năm, công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu kéo dài dẫn đến chậm tiến độ hoàn thành dự án để đưa vào sử dụng. Dự án không được bố trí vốn trong năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
6	Nâng cấp đường giao thông, thoát nước thôn Đức Giang, thôn Đức Điền xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7975945	800.000.000	324.721.480	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
7	Phá dỡ Hội trường UBND A UBND xã, 2 dãy nhà 2 tầng trường TH Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7982744	480.000.000	366.870.000	Dự án được phê duyệt trong giai đoạn nhà trường đang triển khai công tác dạy và học trong năm. Do đó tiến độ triển khai dự án được kéo dài để phù hợp với điều kiện dạy và học tại trường. Đồng thời dự án không được bố trí vốn trong năm sau, do đó cần thiết phải kéo dài thời gian giải ngân vốn sang năm. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
8	Nâng cấp hệ thống camera an ninh trên địa bàn thôn Tân Sơn, Đức Sơn, Đức Thị, Đức Điền, Giao Tế, xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7992506	800.000.000	534.626.000	Dự án được bổ sung vào giai đoạn giữa năm, công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu kéo dài dẫn đến chậm tiến độ hoàn thành dự án để đưa vào sử dụng. Dự án không được bố trí vốn trong năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
9	Điện chiếu sáng thôn Tân Sơn, xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7972626	2.700.000.000	20.527.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
10	Xây dựng Hệ thống điện mặt trời Tại trụ sở UBND xã	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7974480	750.000.000	26.939.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
11	Đường giao thông, hệ thống thoát nước thôn Tân Sơn, thôn Đức Sơn và thôn Đức Điền xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7972622	1.150.000.000	214.797.200	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
12	Công viên sân chơi các thôn Tân Sơn và thôn Đức Sơn xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7975942	1.150.000.000	449.534.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
13	Công viên sân chơi các thôn Đức Phong và thôn Đức Thị xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7975941	1.090.241.000	570.041.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
14	Cải tạo Nhà vệ sinh, làm mái che sân chơi trường Mầm non Đức Ninh, cải tạo cửa trường TH và trường THCS Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7993549	970.000.000	178.801.000	Dự án được triển khai trong giai đoạn nhà trường đang triển khai công tác dạy và học trong năm. Dẫn đến tiến độ dự án bị ngắt quãng nhiều lần. Đồng thời dự án không được bố trí vốn trong năm sau, do đó cần thiết phải kéo dài thời gian giải ngân vốn sang năm. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
15	Via hè đường Võ Trọng Bình (đoạn qua Bàu Vẹo), nhà vệ sinh, cây xanh TTVH xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7979548	1.000.000.000	351.496.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
16	Mua sắm trang thiết bị vận động tại TTVH xã, công viên, Nhà văn hóa thôn	UBND xã Đức Ninh	2022-2023	7975939	600.000.000	5.312.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1121/QĐ-UBND ngày 11/8/2022
II	UBND XÃ NGHĨA NINH				1.999.443.000	911.914.000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Ngô Thế Lân (Đoạn từ nhà ông Quang thôn TN 3 đến đoạn đường giáp đường từ Rừ lên dốc Vòm)	UBND xã Nghĩa Ninh	2021-2023	7902489	710.000.000	104.368.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 720/QĐ-UBND ngày 21/11/2022
2	Xây dựng đường GTND từ Đồng Ra Bàu Địa xã NN	UBND xã Nghĩa Ninh	2021-2023	7897570	303.000.000	297.193.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 12/QĐ-UBND ngày 06/01/2022
3	Đầu tư xây dựng đường GTNT tuyến Đồng Bồn xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	2022-2023	7983049	100.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 12/QĐ-UBND ngày 06/01/2022
4	Tuyến đường trước trụ sở UBND xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	2021-2023	7902488	50.000.000	50.000.000	Do vướng mắc công tác GPMB nên tiến độ thực hiện dự án chậm so với kế hoạch đã duyệt. Đây là nguyên nhân khách quan thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 720/QĐ-UBND ngày 21/11/2022
5	Cải tạo công, bê tông lề đường trường TH và hàng rào, bê tông, mái che khu vận động, sân vườn trường MN (cụm TT) xã NN	UBND xã Nghĩa Ninh	2022-2023	7997912	350.000.000	39.353.000	Dự án được triển khai trong giai đoạn nhà trường đang triển khai công tác dạy và học trong năm. Dẫn đến tiến độ dự án bị ngắt quãng nhiều lần. Đồng thời dự án không được bố trí vốn trong năm sau, do đó cần thiết phải kéo dài thời gian giải ngân vốn sang năm. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 650/QĐ-UBND ngày 18/9/2022
6	Xây dựng tuyến đường Đồng Thùng Thán, Đồng Đeng xã NN	UBND xã Nghĩa Ninh	2022-2023	7960877	342.107.000	226.664.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 720/QĐ-UBND ngày 21/11/2022
7	Đường GTND tuyến thôn Trung Nghĩa 4 đi giáp Cây Dừa đồng Cồn xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	2022-2023	7997128	94.336.000	94.336.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 720/QĐ-UBND ngày 21/11/2022
8	Nâng cấp mở rộng đường GTNT từ đường Nguyễn Đóa đến giáp đường sắt tại thôn Trung Nghĩa 2	UBND xã Nghĩa Ninh	2022-2023	8001833	50.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 720/QĐ-UBND ngày 21/11/2022
III	UBND XÃ THUẬN ĐỨC				4.262.309.000	3.210.358.400		
1	Hệ thống camera an ninh trên địa bàn xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	2022-2024	7960875	1.126.000.000	74.049.400	Dự án được bổ sung vào giai đoạn giữa năm, công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu kéo dài dẫn đến chậm tiến độ hoàn thành dự án để đưa vào sử dụng. Dự án không được bố trí vốn trong năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1307/QĐ-UBND ngày 29/9/2022
2	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	2022-2024	8007378	3.136.309.000	3.136.309.000	Do vướng mắc công tác GPMB nên đến nay vẫn chưa thể triển khai thực hiện. Đây là nguyên nhân khách quan thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1307/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 và số 1543/QĐ-UBND ngày 21/12/2022
IV	UBND XÃ BẢO NINH				36.293.295.256	14.129.607.460		
1	Xây dựng dãy phòng học Trường TH số 1 Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2020-2022	7815944	5.400.000.000	450.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
2	Sân vườn khu vui chơi trường Mầm non Bảo Ninh. Hạng mục: Sân, đường nội bộ và cây xanh	UBND xã Bảo Ninh	2019-2022	7757252	500.000.000	50.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
3	Sân vườn khu vui chơi trường Mầm non Bảo Ninh. Hạng mục: Khu vui chơi ngoài trời và điện chiếu sáng	UBND xã Bảo Ninh	2019-2022	7757253	100.000.000	30.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
4	Cải tạo công, hàng rào sân vườn và mua sắm thiết bị khu vui chơi Trường Mầm non Bảo Ninh - cơ sở 2:	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	7990039	400.000.000	96.765.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án, dẫn đến không thanh toán hết số vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
5	Cải tạo dãy phòng học, nhà bảo vệ, bể bơi Trường tiểu học số 2 Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	8004599	400.000.000	323.552.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án, dẫn đến không thanh toán hết số vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
6	Nội thất bếp Trường mầm non Bảo Ninh - cơ sở 2	UBND xã Bảo Ninh	2022	8006306	475.000.000	138.504.500	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau	10 ngày 05/01/2022
7	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định xã Bảo Ninh (đoạn từ cầu Nhật Lệ II đến nghĩa trang xã Bảo Ninh) Giai đoạn 1:	UBND xã Bảo Ninh	2019-2022	7865932	11.000.000.000	6.457.226.000	Dự án vướng mắc trong công tác GPMB, có một số hộ dân không đồng ý với phương án đền bù làm chậm tiến độ thực hiện dự án, dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch trong năm	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
8	Nâng cấp hệ thống đường nội bộ thôn Đồng Dương và Sa Động xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2021-2023	7885567	4.400.000.000	500.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án, dẫn đến không thanh toán hết số vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
9	Nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước thôn Hà Thôn xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2024	7957587	750.000.000	273.511.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
10	Nâng cấp các tuyến đường thôn Sa Động xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	UBND xã Bảo Ninh	2022-2024	7998328	500.000.000	152.580.104	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
11	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường thôn Hà Dương xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới	UBND xã Bảo Ninh	2022-2024	8007379	500.000.000	157.613.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
12	Mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất các nhà văn hóa trên địa bàn xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	7998332	300.000.000	117.571.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao, bên cạnh đó, dự án không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
13	Cải tạo lăng cá ông và miếu âm hồn tại thôn Sa Động xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2024	8002004	400.000.000	27.082.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
14	Hàng rào khuôn viên di tích lịch sử chứng tích chiến tranh nhà thờ Đồng Dương, thành phố Đồng Hới	UBND xã Bảo Ninh	2022-2024	8004600	600.000.000	253.434.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
15	Xây dựng hàng rào và một số hạng mục nhà văn hóa thôn Hà Trung xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2024	8006028	500.000.000	432.905.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
16	Cấp nước sinh hoạt thôn Hà Trung xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	8002002	500.000.000	217.155.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao, bên cạnh đó, dự án không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	2591 ngày 29/6/2022
17	Cấp nước sinh hoạt thôn Cửa Phú xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	8002003	500.000.000	72.258.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao, bên cạnh đó, dự án không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	2591 ngày 29/6/2022
18	Xây dựng tuyến nước chính thôn Hà Trung - Cửa Phú	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	8003518	400.000.000	312.827.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao, bên cạnh đó, dự án không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
19	Nghĩa trang giai đoạn 3 xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2021-2023	7909453	3.518.295.256	3.051.419.256	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao, bên cạnh đó, dự án không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 10/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 và số 2951/QĐ-UBND ngày 29/6/2022
20	Mua sắm trang thiết bị văn phòng UBND xã Bảo Ninh, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	7999666	500.000.000	2.054.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
21	Nâng cấp xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led trên địa bàn xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2024	7983683	3.750.000.000	505.778.600	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3320/QĐ-UBND ngày 15/11/2022
22	Vườn hoa kiểu mẫu thôn Trung Bình	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	8000425	400.000.000	7.372.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bổ trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
23	Sửa chữa cải tạo trạm y tế xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	2022-2023	7992514	500.000.000	500.000.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm. Do thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên dự án chưa có khối lượng để giải ngân vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2955/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
V	UBND PHƯỜNG BẮC NGHĨA				2.407.000.000	56.015.000		
1	Xây dựng thư viện, bếp ăn các phòng học chức năng và cải tạo, tu sửa cơ sở vật chất dãy nhà B Trường tiểu học Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	2022-2024	7981516	2.407.000.000	56.015.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán hết số vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 1433/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
VI	UBND PHƯỜNG HẢI THÀNH				330.000.000	85.404.000		
1	Bãi đỗ xe số 1 phố đi bộ phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	2021-2022	7908587	300.000.000	69.310.000	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai và giải ngân vốn dự án. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 803/QĐ-UBND ngày 09/12/2022
2	Mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa TDP 1,6 phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	2022	7999660	30.000.000	16.094.000	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm. Do thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên dự án chưa có khối lượng để giải ngân vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 803/QĐ-UBND ngày 09/12/2022
VII	UBND PHƯỜNG ĐỒNG SƠN				114.962.000	30.315.575		
1	Cải tạo, sửa chữa 02 dãy nhà làm việc trụ sở phường Đồng Sơn	UBND phường Đồng Sơn	2021-2022	7929700	114.962.000	30.315.575	Dự án được bổ sung kế hoạch vào giai đoạn giữa năm, thủ tục chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không giải ngân hết số vốn kế hoạch giao, bên cạnh đó, dự án không được bổ trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 297/QĐ-UBND ngày 22/6/2022
VIII	UBND PHƯỜNG PHÚ HẢI				10.606.025.134	5.759.826.368		
1	Khu vui chơi thể thao phường Phú Hải giai đoạn 01	UBND phường Phú Hải	2022 - 2023	7807240	2.119.794.207	300.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán hết số vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2401/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 và số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
2	Trích đo chính lý địa chính, GPMB kê san nền mở rộng nhà văn hóa TDP Diêm Hải	UBND phường Phú Hải	2021 - 2022		350.000.000	350.000.000	Do vướng mắc trong công tác GPMB làm chậm tiến độ triển khai nên đến nay chưa giải ngân được vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
3	Quy hoạch chi tiết Trung tâm hành chính Phường Phú Hải 1/500	UBND phường Phú Hải	2021 - 2023		500.000.000	500.000.000	Do vướng mắc các thủ tục về quy hoạch, trong đó đang triển khai lập quy hoạch phân khu phường Phú Hải dẫn đến dự án chưa thể triển khai thực hiện. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
4	Nâng cấp đường Trương Hán Siêu TDP nam Hồng	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024	8000424	250.000.000	173.495.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán hết số vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
5	Nâng cấp tuyến đường nhà ông Niệm TDP Diêm Hải	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024	8000423	250.000.000	182.171.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán hết số vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
6	Nhà văn hóa Bắc Hồng Phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024		700.000.000	700.000.000	Thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án chậm do phải thực hiện việc lấy ý kiến đồng thuận trong nhân dân, dẫn đến tiến độ dự án chậm so với kế hoạch. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
7	Nhà văn hóa Diêm Hải Phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024		700.000.000	700.000.000	Thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án chậm do phải thực hiện việc lấy ý kiến đồng thuận trong nhân dân, dẫn đến tiến độ dự án chậm so với kế hoạch. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
8	Xây dựng kè chống sạt lở, thoát lũ phía Đông cầu ngăn	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024	7977492	1.000.000.000	185.117.000	Dự án được bổ sung vào giai đoạn giữa năm, công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu kéo dài dẫn đến việc giải ngân vốn chậm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục triển khai và giải ngân vốn trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 và số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn: 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
9	Xây dựng hệ thống thoát nước TDP Phú Thượng Phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024	7984501	600.000.000	600.000.000	Dự án được bổ sung vào giai đoạn giữa năm, công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu kéo dài dẫn đến việc giải ngân vốn chậm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục triển khai và giải ngân vốn trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
10	Sửa chữa cái tạo trạm y tế	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024	7992509	380.908.000	363.050.000	Dự án được bổ sung vào giai đoạn giữa năm, công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu kéo dài dẫn đến việc giải ngân vốn chậm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục triển khai và giải ngân vốn trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 và số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
11	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - viễn thông phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024	7961796	300.000.000	39.616.000	Dự án được bổ sung vào giai đoạn giữa năm, công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu kéo dài dẫn đến việc giải ngân vốn chậm. Đề xuất kéo dài để tiếp tục triển khai và giải ngân vốn trong năm 2023. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 và số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
12	Trụ sở UBND Phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024		1.155.322.927	1.155.322.927	Do vướng mắc các thủ tục về đất đai, GPMB nên dự án chậm tiến độ so với kế hoạch đã đề ra. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
13	Nâng cấp đường Cừ Năm và một số đoạn đường khác trên địa bàn Phú Hải	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024	8002803	745.000.000	45.066.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán hết số vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
14	Đầu tư xây dựng điểm trường tiểu học Phú Hải: Hạng mục lập quy hoạch chi tiết	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024		150.000.000	150.000.000	Do vướng mắc các thủ tục về đất đai, GPMB nên dự án chậm tiến độ so với kế hoạch đã đề ra. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
15	Tuyển điện chiếu sáng còn lại của các tổ dân phố trên địa bàn phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	2022 - 2024	7969369	1.100.000.000	290.486.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án dẫn đến không có khối lượng để nghiệm thu thanh toán hết số vốn kế hoạch trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 và số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
16	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa tổ dân phố Diêm Hải, Tổ dân phố Bắc Hồng phường Phú Hải, Thành phố Đồng Hới	UBND phường Phú Hải	2022	7998343	25.000.000	14.687.958	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
17	Mua sắm trang thiết bị, văn phòng UBND phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới	UBND phường Phú Hải	2022	7992510	280.000.000	10.814.483	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 2057/QĐ-UBND ngày 08/08/2022
IX	UBND PHƯỜNG ĐỒNG HẢI				3.791.400.000	2.218.950.000		
1	Thay hệ thống điện, lát gạch nền, quét sơn dây nhà lớp học 2 tầng trường THCS Đồng Mỹ	UBND phường Đồng Hải	2021-2022	7899894	82.600.000	50.261.000	Dự án triển khai trong giai đoạn nhà trường đang triển khai nhiệm vụ năm học trong năm nên tiến độ dự án chậm so với kế hoạch được duyệt. Dự án được bố trí vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 1856/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 và số 1909/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
2	Xây dựng hàng rào trường mầm non Đồng Mỹ	UBND phường Đồng Hải	2021-2022	7899893	165.100.000	116.325.000	Dự án triển khai trong giai đoạn nhà trường đang triển khai nhiệm vụ năm học trong năm nên tiến độ dự án chậm so với kế hoạch được duyệt. Dự án được bố trí vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 1856/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 và số 1909/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
3	Xây dựng bộ phận giao dịch một cửa liên thông phường Đồng Hải (tại số 03 đường Lê Trực)	UBND phường Đồng Hải	2022-2023	7978068	1.000.000.000	1.000.000.000	Dự án được bổ sung vào kế hoạch giữa năm, quá trình triển khai các thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu chậm dẫn đến không có khối lượng để thanh toán và hoàn thành dự án trong năm. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3122/QĐ-UBND ngày 30/12/2022
4	Chống thấm lớp học, sửa chữa cổng, hàng rào, cải tạo sân trường Mầm giáo Đồng Mỹ	UBND phường Đồng Hải	2022	7360745	43.700.000	43.700.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1856/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 và số 1909/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
5	Xây mới nhà văn hóa TDP Đồng Hải phường Đồng Hải	UBND phường Đồng Hải	2022-2023	7971788	1.500.000.000	8.664.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác do dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 1856/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 và số 1909/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
6	Xây dựng nhà trực cho lực lượng dân quân cơ động phường Đồng Hải	UBND phường Đồng Hải	2022-2023		1.000.000.000	1.000.000.000	Do vướng mắc trong thủ tục về đất đai nên dự án được điều chỉnh giai đoạn giữa năm, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện. Dự án thuộc điểm đ, khoản 1, điều 48	Số 3122/QĐ-UBND ngày 30/12/2022
X	UBND PHƯỜNG NAM LÝ				1.925.000.000	892.018.747		
1	Dự án: Xây mới, cải tạo nhà vệ sinh sân diêm trung tâm Trường Mầm Non Nam Lý	UBND phường Nam Lý	2021-2022	7898046	90.000.000	70.018.747	Dự án triển khai trong giai đoạn nhà trường đang triển khai nhiệm vụ năm học trong năm nên tiến độ dự án chậm so với kế hoạch được duyệt. Dự án được bố trí vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 55/QĐ-UBND ngày 07/1/2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
2	Dự án: Sửa chữa, nâng cấp đường ngõ 45 Hoàng Diệu TDP5 và ngõ 48 Hoàng Diệu TDP 4 phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	2021-2022	7896377	90.000.000	60.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án, đồng thời dự án được bố trí vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm, không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 55/QĐ-UBND ngày 07/1/2022
3	Dự án: Tháo dỡ trụ sở làm việc 2 tầng UBND phường Nam Lý và xây dựng kho quản lý đô thị	UBND phường Nam Lý	2021	7901990	15.000.000	3.000.000	Đề xuất kéo dài để thực hiện thanh toán các chi phí khác. Dự án thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 55/QĐ-UBND ngày 07/1/2022
4	Dự án: Giải phóng mặt bằng, đắp đất, xây kè Nhà văn hóa Tô dân phố 6, phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	2022-2023	7988106	1.250.000.000	400.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án, đồng thời dự án được bố trí vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm, không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 5953/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
5	Dự án: Xây dựng khu vực công viên cây xanh I-CX19 phía trước Nghĩa trang Nam Lý	UBND phường Nam Lý	2022-2023	7988603	480.000.000	359.000.000	Do ảnh hưởng của mưa bão vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án, đồng thời dự án được bố trí vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm, không được bố trí vốn cho năm sau. Dự án thuộc điểm c, đ, khoản 1, điều 48	Số 55/QĐ-UBND ngày 07/1/2022 và số 5371/QĐ-UBND ngày 27/7/2022

Biên số II.2
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023
 (Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án		Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
			Mã dự án	KC - HT					
	HUYỆN TUYẾN HÓA (Tại Văn bản 151/BC-UBND ngày 16/02/2023 của UBND huyện Tuyen Hoa)				83.138.760.597	15.343.644.120	8.048.741.016		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ				47.660.000.000	5.290.000.000	1.348.149.419		
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG				41.860.000.000	2.190.000.000	845.112.419		
1	Đường liên thôn Sơn Thủy - Phú Xuân, xã Cao Quảng	UBND xã Cao Quảng	7884384	2022-2023	1.000.000.000	450.000.000	5.700.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 3345/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND huyện Tuyen Hoa
2	Nhà làm việc UBND xã Phong Hóa	UBND xã Phong Hóa	7940366	2022-2023	2.000.000.000	910.000.000	9.412.419	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 3345/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND huyện Tuyen Hoa
3	Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ	BCH Quận sự huyện		2023-2024	3.050.000.000	80.000.000	80.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tuyen Hoa
4	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng trường mầm non Thuận Hóa	UBND xã Thuận Hóa		2023-2024	3.500.000.000	100.000.000	100.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tuyen Hoa
5	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng trường TH số 2 Đồng Lê	UBND TT Đồng Lê		2023-2025	3.700.000.000	80.000.000	80.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tuyen Hoa
6	Nhà văn hóa thôn Bàu, xã Tiến Hóa	UBND xã Tiến Hóa		2023	810.000.000	40.000.000	40.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tuyen Hoa
7	Đường nội thôn Tiên Phong xã Lê Hóa	UBND xã Lê Hóa		2023-2024	850.000.000	40.000.000	40.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tuyen Hoa
8	Nâng cấp đường Ngô Quyền đoạn từ đường Lê Lợi đi đường Trần Phú	UBND huyện Tuyen Hoá		2023-2024	2.000.000.000	50.000.000	50.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tuyen Hoa
9	Nhà làm việc xã Ngư Hóa (Giai đoạn 2, Tầng 2)	UBND xã Ngư Hóa		2023-2024	1.700.000.000	50.000.000	50.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tuyen Hoa
10	Đường GTNT nội thôn Đồng Phú	UBND xã Đồng Hóa		2023-2024	950.000.000	40.000.000	40.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tuyen Hoa
11	Nhà lớp học bộ môn 6 phòng 2 tầng trường THCS Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê		2023-2025	4.600.000.000	100.000.000	100.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND huyện Tuyen Hoa
12	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu Học Châu Hóa	UBND xã Châu Hóa		2023-2025	2.900.000.000	80.000.000	80.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 và QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND huyện Tuyen Hoa
13	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học Trường Mầm non Đồng Lê	UBND huyện Tuyen Hoá		2023-2024	11.000.000.000	90.000.000	90.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 và QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND huyện Tuyen Hoa

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
14	Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ KM0+356,0 đến điểm cuối tuyến nối với đường 15m	UBND huyện Tuyên Hoá		2023-2024	3.800.000.000	80.000.000	80.000.000	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2022, công trình đang triển khai thực hiện	QĐ số 1443/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 và QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND huyện Tuyên Hoá
II NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT					5.800.000.000	3.100.000.000	503.037.000		
1	Xây dựng trường Mầm non Tân Thủy, xã Kim Hóa	UBND xã Kim Hóa	7959462	2022-2023	3.700.000.000	1.800.000.000	419.085.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 3345/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND huyện Tuyên Hoá
2	Đường và cầu Quảng Hòa - Hợp Tiến xã Cao Quảng	UBND xã Cao Quảng	7932792	2022-2023	2.100.000.000	1.300.000.000	83.952.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 217/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND huyện Tuyên Hoá
C CẤP XÃ QUẢN LÝ (NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT)					35.478.760.597	10.053.644.120	6.700.591.597		
Xã Lê Hóa									
1	Xây dựng hàng rào, cổng, sân tru sò UBND xã Lê Hóa	UBND xã Lê Hóa	7969955	2022	640.684.000	253.554.000	6.198.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 626/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND xã Lê Hóa
2	Làm mới hàng rào trường tiểu học Lê Hóa (điểm chính)	UBND xã Lê Hóa	7969956	2022	204.754.000	194.969.000	2.462.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 626/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND xã Lê Hóa
Xã Châu Hóa									
1	Nâng cấp đoạn đường Lùm tre thôn lằm Lang, xã Châu Hóa	UBND xã Châu Hóa	8004602	2022	152.371.000	152.371.000	3.407.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 526/QĐ-UBND ngày 03/12/2022 của UBND xã Châu Hóa
2	Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ xã Châu Hóa-Hạng mục san nền, móng hàng rào	UBND xã Châu Hóa	8002810	2021	398.538.000	248.538.000	5.336.000	Công trình hoàn thành nhưng thiếu vốn, tiền đất của xã không ổn định, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn muộn không giải ngân kịp	QĐ số 526/QĐ-UBND ngày 03/12/2022 của UBND xã Châu Hóa
3	Mở rộng đoạn đường nối từ trường TCS đi UBND xã Châu Hóa	UBND xã Châu Hóa	7962811	2022	517.771.000	103.653.523	3.043.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 548/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND xã Châu Hóa
Thị trấn Đồng Lê									
1	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các phòng chức năng trường mầm non Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê	7938693	2021-2023	20.850.000.000	5.300.000.000	4.735.572.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 1312/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND TT Đồng Lê
2	Xây dựng sân thể dục trường THCS Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê	7991036	2022	300.000.000	300.000.000	5.407.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 979/QĐ-UBND ngày 12/07/2022 của UBND TT Đồng Lê
3	Xây kè, mương chống xói lở khuôn viên Nhà văn hóa tiểu khu Đồng Văn	UBND thị trấn Đồng Lê	7976240	2022	400.000.000	400.000.000	6.160.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 979/QĐ-UBND ngày 12/07/2022 của UBND TT Đồng Lê
4	Công trình sửa chữa, nâng cấp tuyến đường vào sân nhà Văn hóa tiểu khu Đồng Tân	UBND thị trấn Đồng Lê	7994219	2022	200.000.000	200.000.000	3.605.200	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 1312/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND TT Đồng Lê

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
5	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường tại cụm dân cư số 2 tiểu khu Tam Đồng (đoạn từ Nhà anh Lợi số nhà 155 đường Hùng Vương) đến đường Quang Trung (Nhà anh Chi)	UBND thị trấn Đồng Lê	7994220	2022	300.000.000	300.000.000	7.976.400	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 1312/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND TT Đồng Lê
6	Công, rãnh thoát nước từ Bệnh viện Đa khoa huyện đến nhà ông Hải, tiểu khu Tam Đồng, thị trấn Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê	7915480	2021	322.542.000	123.816.000	4.244.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 1312/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND TT Đồng Lê
7	Công trình Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Viết Xuân (đoạn nối từ đường Quang Trung đến dốc nhà anh Lục) tại tiểu khu Tam Đồng	UBND thị trấn Đồng Lê	7994218	2022	360.000.000	350.292.000	145.292.400	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 1312/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND TT Đồng Lê
8	Sửa chữa hội trường tiểu khu 4	UBND thị trấn Đồng Lê	7704011	2023	12.179.508	12.179.508	12.179.508	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 980/QĐ-UBND ngày 12/07/2022 của UBND TT Đồng Lê
9	Trả nợ công trình Sửa chữa nâng cấp tuyến đường nội thị đoạn từ cầu tiểu khu 1 đến nhà ông Thọ (khu vực UBMT cũ)	UBND thị trấn Đồng Lê	7704011	2021	182.857.000	28.433.000	6.140.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 980/QĐ-UBND ngày 12/07/2022 của UBND TT Đồng Lê
10	Trả nợ công trình Sửa chữa nâng cấp tuyến đường xóm 1, tiểu khu 4, thị trấn Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê	7704011	2021	411.159.000	111.159.000	21.689.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 980/QĐ-UBND ngày 12/07/2022 của UBND TT Đồng Lê
11	Trả nợ công trình Sửa chữa đường Lê Trực, thị trấn Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê	7704011	2021	355.222.000	139.996.000	4.456.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 980/QĐ-UBND ngày 12/07/2022 của UBND TT Đồng Lê
12	Công trình Sửa chữa tuyến đường nội thị đoạn đường Huỳnh Thúc Kháng từ quốc lộ 12A (đường Hùng Vương) đến giáp đường Lê Lợi, tiểu khu Đồng Văn	UBND thị trấn Đồng Lê	7704011	2022	451.295.000	115.295.000	8.036.000	Công trình khởi công cuối năm, thời tiết không thuận lợi, mưa rét kéo dài nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án	QĐ số 1317/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND TT Đồng Lê
13	Sửa chữa, quét sơn công, hàng rào trụ sở UBND thị trấn Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê	7704011	2023	200.000.000	200.000.000	200.000.000	Công trình có sử dụng vốn tiền đất của xã, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn mượn không giải ngân kịp	QĐ số 1317/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND TT Đồng Lê
14	Kinh phí lập quy hoạch các lô đất xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn thị trấn năm 2023	UBND thị trấn Đồng Lê	7704011	2023	140.889.000	140.889.000	140.889.000	Công trình có sử dụng vốn tiền đất của xã, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn mượn không giải ngân kịp	QĐ số 1317/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 và QĐ số 1567/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND TT Đồng Lê
15	Trả nợ Kinh phí kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019	UBND thị trấn Đồng Lê	7704011	2023	69.151.960	69.151.960	69.151.960	Công trình có sử dụng vốn tiền đất của xã, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn mượn không giải ngân kịp	QĐ số 1567/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND TT Đồng Lê
16	Công trình Kê chắn khuôn viên nhà văn hóa tiểu khu Lưu Thuận (giai đoạn 3)	UBND thị trấn Đồng Lê	7704011	2023	90.000.000	90.000.000	90.000.000	Công trình có sử dụng vốn tiền đất của xã, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn mượn không giải ngân kịp	QĐ số 1567/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND TT Đồng Lê
17	Công trình Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng trường Tiểu học số 2 Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê		2023	3.700.000.000	400.000.000	400.000.000	Công trình có sử dụng vốn tiền đất của xã, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn mượn không giải ngân kịp	QĐ số 1567/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND TT Đồng Lê
18	Nhà lớp học bộ môn 6 phòng 2 tầng trường THCS Đồng Lê	UBND thị trấn Đồng Lê		2023	4.600.000.000	200.000.000	200.000.000	Công trình có sử dụng vốn tiền đất của xã, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn mượn không giải ngân kịp	QĐ số 1567/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND TT Đồng Lê

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã dự án	KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
19	Công trình sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Việt Xuân (đoạn nối từ dốc nhà anh Lục đến sân vận động huyện) tại tiểu khu Tam Đồng	UBND thị trấn Đồng Lê		2023	320.000.000	320.000.000	320.000.000	Công trình có sử dụng vốn tiền đất của xã, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn mượn không giải ngân kịp	QĐ số 1567/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND TT Đồng Lê
20	Công trình Sửa chữa mương nước tiểu khu 4	UBND thị trấn Đồng Lê		2023	180.000.000	180.000.000	180.000.000	Công trình có sử dụng vốn tiền đất của xã, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn mượn không giải ngân kịp	QĐ số 1567/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND TT Đồng Lê
21	Khảo sát cắm biển tên đường ngõ hẻm trên địa bàn	UBND thị trấn Đồng Lê		2023	119.347.129	119.347.129	119.347.129	Công trình có sử dụng vốn tiền đất của xã, cuối năm 2022 xã mới thu được tiền đất nên bố trí vốn mượn không giải ngân kịp	QĐ số 1567/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND TT Đồng Lê

Biểu số TL.3
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023
 (Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Công trình	Chủ Đầu tư	Mã số dự án	KC- HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định
	HUYỆN BỐ TRẠCH (Tại Văn bản số 119/UBND ngày 03/02/2023 của UBND huyện Bố Trạch; 79/BC-UBND ngày 15/02/2023 của UBND xã Xuân Trạch; 55/BC-UBND ngày 1/2/2023 của thị trấn Phong Nha)					3.200.000.000	2.367.230.000		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					3.200.000.000	2.367.230.000		
I	NGUỒN VỐN NS TẬP TRUNG					200.000.000	200.000.000		
1	Đường giao thông nối các điểm du lịch từ Khu nghỉ dưỡng Victory đến Oxalis (giai đoạn 2)	UBND thị trấn Phong Nha	7919840	2021-2023	10.000.000.000	200.000.000	200.000.000	Do những tháng đầu năm diễn biến dịch phức tạp, kèm theo thời tiết không thuận lợi nên ảnh hưởng giải ngân tại điểm đ, khoản 1, điều 48, NĐ 40	QĐ 6320/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của huyện;
II	Vốn tiền đất					3.000.000.000	2.167.230.000		
1	Phòng học kết hợp nhà hiệu bộ Trường mầm non Xuân Trạch (khu vực Vĩnh Sơn)	UBND xã Xuân Trạch	7937113	2021-2023	5.500.000.000	700.000.000	383.187.000	Do vướng mắc về thủ tục đất đai điểm đ, khoản 1, điều 48, NĐ 40	QĐ 6320/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của huyện;
2	Đường giao thông nối các điểm du lịch từ Khu nghỉ dưỡng Victory đến Oxalis (giai đoạn 2)	UBND thị trấn Phong Nha	7919840	2021-2023	10.000.000.000	2.300.000.000	1.784.043.000	Do những tháng đầu năm diễn biến dịch phức tạp, kèm theo thời tiết không thuận lợi nên ảnh hưởng giải ngân tại điểm đ, khoản 1, điều 48, NĐ 40	QĐ 6320/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của huyện;



PHỤ LỤC II.4

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 ĐO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Table with 10 columns: TT, Danh mục dự án, Chủ đầu tư, Mã Dự án, Khởi công - hoàn thành, Tổng mức, Kế hoạch năm 2022, Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023, Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ, Quyết định giao vốn.

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã Dự án	Khởi công - hoàn thành	Tổng mức	Kế hoạch năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
17	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nam Cổ Hiến, xã Hiến Ninh (Giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD và PT Quỹ đất	9759788	2022 - 2023	10.000.000.000	5.000.000.000	3.896.082.000	Vướng công tác GPMB chưa hoàn thành, tạm dừng theo chủ trương của tỉnh (theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	Số 591/QĐ-UBND ngày 09/6/2022
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở và tái định cư thuộc Quy hoạch đô thị Đình Mười	Ban QLDA ĐTXD và PT Quỹ đất	7984924	2022 - 2023	10.000.000.000	3.500.000.000	1.489.148.000	Vướng công tác GPMB chưa hoàn thành, tạm dừng theo chủ trương của tỉnh (theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	Số 591/QĐ-UBND ngày 09/6/2022
19	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư (lô IDC-M-27), Đình Mười, huyện Quảng Ninh	Ban QLDA ĐTXD và PT Quỹ đất	7988345	2022 - 2023	14.900.000.000	4.000.000.000	3.388.586.000	Vướng công tác GPMB chưa hoàn thành, tạm dừng theo chủ trương của tỉnh (theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	Số 775/QĐ-UBND ngày 29/7/2022
20	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Bắc Ninh 3, xã Võ Ninh (GD1)	Ban QLDA ĐTXD và PT Quỹ đất	7982107	2022 - 2023	14.800.000.000	4.000.000.000	3.044.153.000	Vướng công tác GPMB chưa hoàn thành, tạm dừng theo chủ trương của tỉnh (theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	Số 775/QĐ-UBND ngày 29/7/2022
21	Hạ tầng kỹ thuật phát triển quỹ đất cụm trung tâm (vùng đất làng thôn Trường Niên)	Ban QLDA ĐTXD và PT Quỹ đất	7974479	2022 - 2023	14.900.000.000	4.000.000.000	1.396.701.000	Vướng công tác GPMB về KH sử dụng đất, tạm dừng theo chủ trương của tỉnh (theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 893/QĐ-UBND ngày 23/8/2022
22	Quy hoạch chi tiết Bãi rác huyện Quảng Ninh, tỷ lệ 1/500	Ban QLDA ĐTXD và PT Quỹ đất	7996416	2022 - 2023	620.888.000	150.000.000	150.000.000	Thủ tục phê duyệt chưa kịp (theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 729/QĐ-UBND ngày 14/7/2022
23	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư và khu dân cư Long Đại, xã Hiến Ninh, huyện Quảng Ninh, tỷ lệ 1/500	Ban QLDA ĐTXD và PT Quỹ đất	8005528	2022 - 2023	100.123.000	100.000.000	100.000.000	Quá trình thẩm định phê duyệt gặp vướng mắc các thủ tục theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ,	QĐ 729/QĐ-UBND ngày 14/7/2022
24	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các công trình trên địa bàn	Phòng NN và PTNT	7937510	2021 - 2022	454.315.000	454.315.000	21.463.300	CP quản lý và quyết Theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 729/QĐ-UBND ngày 14/7/2022
25	Kho phòng vật tư phòng chống lụt bão huyện Quảng Ninh	Phòng NN và PTNT	7945791	2021 - 2022	800.000.000	800.000.000	16.394.000	CP quản lý và quyết Theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 202/QĐ-UBND ngày 14/3/2022
26	Hạ tầng khu công viên cây xanh Đài tưởng niệm huyện Quảng Ninh (Giai đoạn 2)	Ban quản lý các công trình công cộng	7989294	2022-2024	4.000.000.000	2.000.000.000	999.949.000	Do vướng mắc thủ tục GPMB -Theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	Số 1689/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
27	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Phòng TN & MT	7938070	2021-2022	1.350.160.000	1.080.160.000	40.103.585	Chi phí kiểm tra, quyết toán và các khoản chi phí khác theo đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	Số 729/QĐ-UBND ngày 14/7/2022
B	CẤP XÃ QUẢN LÝ (NGUỒN SỬ DỤNG ĐẤT)				78.065.079.000	36.691.186.000	9.725.860.132		
I	Xã Xuân Ninh								
1	Sửa chữa nâng cấp kênh tưới Cộng của xã Xuân Ninh		7792566	2022-2023	1.005.360.000	305.000.000	10.483.132	Công trình bố trí từ nguồn tăng thu để trả nợ, nhưng do nguồn quỹ đất thu được muộn nên giải ngân không kịp; Theo: Điểm đ; khoản 1; điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021
2	Xây dựng nhà trực dân quân cơ động xã Xuân Ninh		7806714	2019-2023	600.000.000	181.200.000	7.926.000	Công trình bố trí từ nguồn tăng thu để trả nợ, nhưng do nguồn quỹ đất thu được muộn nên giải ngân không kịp; Theo: Điểm đ; khoản 1; điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021
3	Kênh bê tông, công trình tưới		7796449	2019	1.483.738.000	156.000.000	6.000.000	Công trình bố trí từ nguồn tăng thu để trả nợ, nhưng do nguồn quỹ đất thu được muộn nên giải ngân không kịp; Theo: Điểm đ; khoản 1; điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021
4	Xây dựng công trình cấp bách tuyến đường từ chợ Nam Long cũ đầu nối trục đường 26/3 xã Xuân Ninh		7842452	2020-2021	1.545.025.000	445.000.000	148.271.000	Công trình bố trí từ nguồn tăng thu để trả nợ, nhưng do nguồn quỹ đất thu được muộn nên giải ngân không kịp; Theo: Điểm đ; khoản 1; điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021
5	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học Xuân Ninh		7825350	2022	1.099.998.000	199.900.000	8.079.000	Công trình bố trí từ nguồn tăng thu để thanh toán, nhưng do nguồn quỹ đất thu được muộn nên giải ngân không kịp; Theo: Điểm đ; khoản 1; điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021
6	Đường Xuân Dục 2 nối đường Quốc Lộ 15A đi Lộc Long		7832925	2019-2020	945.705.000	152.900.000	13.005.000	Công trình bố trí từ nguồn tăng thu để thanh toán, nhưng do nguồn quỹ đất thu được muộn nên giải ngân không kịp; Theo: Điểm đ; khoản 1; điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021
7	Hỗ trợ Trường THCS Xuân Ninh sửa chữa cơ sở vật chất (Sân hoạt động thể dục trường THCS Xuân Ninh)		7972624	2022	160.336.000	160.336.000	8.020.000	Công trình bố trí đủ vốn thanh toán năm 2022, còn kinh phí bảo hành công trình chưa đến thời hạn thanh toán được kéo dài; Theo: Điểm c; khoản 1; điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021
8	Làm đường GTNT năm 2022 xã Xuân Ninh		7960003	2022	1.015.422.000	141.202.000	18.248.000	Công trình bố trí từ nguồn tăng thu để thanh toán, nhưng do nguồn quỹ đất thu được muộn nên giải ngân không kịp; Theo: Điểm đ; khoản 1; điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021
9	Đường Khu dân cư mới Lộc Long		7919262	2021-2022	300.000.000	689.984.000	210.580.000	Công trình bố trí từ nguồn tăng thu để thanh toán, nhưng do nguồn quỹ đất thu được muộn nên giải ngân không kịp; Theo: Điểm đ; khoản 1; điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã Dự án	Thời gian - hoàn thành	Tổng mức	Kế hoạch năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
10	Quy hoạch Nghĩa trang chung của xã			2022-2023	458.117.000	139.664.000	139.664.000	Công trình vướng Quy hoạch, phải điều chỉnh quy hoạch do nguyên nhân khách quan không lường trước được; Theo điểm đ khoản 1 Điều 48 ND 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; NQ Số 18/NQHĐND ngày 31/12/2021
II Xã Vạn Ninh									
1	Xây dựng nhà văn hóa xã kết hợp phòng làm việc của cán bộ, công chức xã		8006296	2022-2025	11.700.000.000	600.000.000	600.000.000	Vướng công tác đầu thầu kéo dài. Công trình thực hiện 3 năm từ năm 2022-2023. Theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ,	BB hội nghị LT số 48/BB-HĐND ngày 31/12/2022
2	Xây dựng hồ, sân đình Vạn Xuân		8011297	2022-2023	962.283.000	100.000.000	100.000.000	Vướng công tác đầu thầu kéo dài. Công trình thực hiện 2 năm từ năm 2022-2023. Theo Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ,	BB hội nghị LT số 48/BB-HĐND ngày 31/12/2022
III Thị trấn Quán Hâu									
1	Xây dựng đường bê tông các Tổ dân phố thị trấn Quán Hâu		7997780	2022-2023	1.200.000.000	1.000.000.000	412.065.000	Công trình mới bố trí vốn muộn chưa có khối lượng nghiệm thu theo điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	QĐ số 126, 14/12/22
2	Nâng cấp sửa chữa bếp ăn bán trú và mua sắm một số thiết bị thiết yếu Trường Mầm non Hoa Sen		7996409	2022-2022	400.000.000	400.000.000	20.397.000	Chi phí quyết toán và tiền bảo hành (Điểm c, đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP	QĐ số 126, 14/12/22
3	Xây dựng khu phát triển vận động trường mầm non Hoa Sen		8005563	2022-2023	650.000.000	500.000.000	177.399.000	Công trình mới bố trí vốn muộn chưa có khối lượng nghiệm thu theo điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	QĐ số 136, 28/12/22
4	Xây dựng bể bơi trường Tiểu học thị trấn Quán Hâu		7945568	2022-2022	1.300.000.000	1.300.000.000	85.324.000	Chi phí quyết toán và tiền bảo hành (Điểm c, đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP	QĐ số 24, 21/3/22
5	Xây dựng nhà vệ sinh trường THCS thị trấn Quán Hâu		7936491	2021-2022	1.050.000.000	350.000.000	71.921.000	Chi phí quyết toán và tiền bảo hành (Điểm c, đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP	QĐ số 24, 21/3/22
6	Sửa chữa nâng cấp đường giao thông các Tổ dân phố		7945467	2022-2022	650.000.000	650.000.000	15.681.000	Chi phí quyết toán và tiền bảo hành (Điểm c, đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP	QĐ số 24, 21/3/22
7	Làm đường bê tông các Tổ dân phố		7954658	2022-2022	517.915.000	500.000.000	16.955.000	Chi phí quyết toán và tiền bảo hành (Điểm c, đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP	QĐ số 47, 16/5/22
IV Xã Trường Xuân									
1	Xây dựng tường rào trụ sở UBND xã Trường Xuân		7991037	2022-2023	120.000.000	120.000.000	12.164.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, đ Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP	
V Xã Lương Ninh									
1	Mở rộng khuôn viên, xây dựng mới nhà bán trú, sân thể thao và cải tạo các hạng mục công trình Trường TH LN		7884597	2021-2023	14.462.125.000	9.650.000.000	2.713.468.000	Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, CT được bổ sung tăng thu đầu đất trong năm, công trình thực hiện 3 năm từ năm 2021-2023	Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
2	Xây dựng điểm trường mầm non khu vực Lương Yên (Bao gồm: GPMB; XD hạ tầng kỹ thuật và các CT chức năng)		7930896	2022-2023	14.600.000.000	10.000.000.000	1.376.455.000	Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, tăng thu đầu đất trong năm, công trình thực hiện 3 năm từ năm 2022-2024	Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
3	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên, đường chạy thể dục, khu nhà ở lớp học 2 tầng Trường THCS xã Lương Ninh		7913828	2022-2022	3.500.000.000	2.000.000.000	211.800.000	Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, tăng thu đầu đất trong năm, công trình thực hiện 3 năm từ năm 2022-2023	Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
4	Nâng cấp sân thể thao thôn Văn La, xã Lương Ninh		7990037	2022-2023	1.134.544.000	500.000.000	128.134.000	Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, tăng thu đầu đất trong năm, công trình thực hiện 2 năm từ năm 2022-2023	Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
5	Xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị Trường THCS Lương Ninh		8001820	2022-2023	3.100.000.000	1.000.000.000	47.074.000	Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, tăng thu đầu đất trong năm, công trình thực hiện 2 năm từ năm 2022-2023	Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
6	Nhà văn hóa thôn Phú Cát, xã Lương Ninh		7997130	2022-2023	2.500.000.000	1.000.000.000	199.610.000	Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, tăng thu đầu đất trong năm, công trình thực hiện 2 năm từ năm 2022-2023	Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
7	Xây dựng nhà văn hóa thôn Văn La, xã Lương Ninh		7995607	2022-2023	2.654.511.000	1.000.000.000	170.000.000	Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, tăng thu đầu đất trong năm, công trình thực hiện 3 năm từ năm 2022-2024	Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 09/08/2022
8	Xây dựng công viên và tôn tạo Giếng Hang, thôn Văn La, xã Lương Ninh		7998331	2022-2023	8.000.000.000	2.500.000.000	2.278.174.000	Điểm đ Khoản 1 Điều 48 ND số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, công trình thực hiện 3 năm từ năm 2022-2024, do công trình triển khai vướng quy hoạch sử dụng đất	Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 06/01/2022
VI Xã Hiền Ninh									

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã Dự án	Khởi công - hoàn thành	Tổng mức	Kế hoạch năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã Hiền Ninh		8008464	2022-2023	450.000.000	450.000.000	18.963.000	Công trình thực hiện 2 năm từ năm 2022-2023. Theo Điểm d Khoản 1 Điều 48 NB số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ,	Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 07/10/2022
2	Nâng cấp khuôn viên trụ sở xã Hiền Ninh		8012679	2022-2023	500.000.000	500.000.000	500.000.000	Công trình thực hiện 2 năm từ năm 2022-2023. Theo Điểm d Khoản 1 Điều 48 NB số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ,	Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 07/10/2022

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
	HUYỆN MINH HÓA (Tại Văn bản 67/UBND-TCKH ngày 10/02/2023 của UBND huyện Minh Hóa)				51.186.729.000	16.328.997.000	10.876.934.000		
A	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ				39.348.152.000	4.490.420.000	2.286.165.000		
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG				31.348.152.000	3.651.420.000	1.447.165.000		
1	Mặt đường và hạ tầng kỹ thuật tiểu khu 5, tiểu khu 7, thị trấn Quy Đạt	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7808396	2020-2021	4.436.152.000	45.720.000	45.720.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
2	Tuyến đường từ xã Yên Hóa đi xã Quy Hóa, Huyện Minh Hóa (Giai đoạn 1)	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7761533	2019-2021	10.000.000.000	600.000.000	600.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án và vướng mắc giải phóng mặt bằng. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	
3	Ngắm trần thôn 3 Thanh Long xã Quy Hóa	UBND TT Quy Đạt	7800584	2020-2022	3.212.000.000	800.000.000	107.450.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	
4	Xây dựng cầu bê tông và đường từ nhà ông chính (TK9) đi QL12A thị trấn Quy Đạt	UBND TT Quy Đạt	7894117	2021-2022	2.200.000.000	716.600.000	178.057.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án và vướng mắc giải phóng mặt bằng. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	
5	Xây dựng Trung tâm giáo dục thể chất huyện Minh Hóa; Hạng mục: Hàng rào, sân, cây xanh	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7909153	2021-2022	3.500.000.000	500.000.000	500.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án và vướng mắc giải phóng mặt bằng. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	
6	Xây dựng đường dân sinh và phục vụ sản xuất từ thôn Cầu Lợi đi thôn Minh Xuân, xã Xuân Hóa	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7965804	2022-2024	8.000.000.000	989.100.000	15.938.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	
II	NGUỒN QUỸ ĐẤT				8.000.000.000	839.000.000	839.000.000		
1	Xây dựng Trung tâm giáo dục thể chất huyện Minh Hóa; Hạng mục: Hàng rào, sân, cây xanh	BQLDA ĐTXD&PTQĐ	7909153	2021-2022	3.500.000.000	160.000.000	160.000.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án và vướng mắc giải phóng mặt bằng. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	Số 2392/QĐ-UBND ngày 20/12/2021
2	Xây dựng thao trường huấn luyện, bắn súng huyện Minh Hóa, Giai đoạn 1	BCH Quân sự huyện		2022-2024	4.500.000.000	679.000.000	679.000.000	Do vướng mắc giải phóng mặt bằng. Nguyên nhân của dự án này theo điểm đ, khoản 1 điều 48 của ND 40/ND-CP	
B	NGUỒN XÃ, THỊ TRẤN (NGUỒN QUỸ ĐẤT)				11.838.577.000	11.838.577.000	8.590.769.000		
1	Đường liên thôn Liêm Hóa đi Yên Phú (Từ nhà bà Duyệt thôn Liêm Hóa đến nhà ông Điện thôn Yên Phú)	UBND xã Trung Hóa	7960894	2022	416.476.000	416.476.000	6.555.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
2	Nâng cấp khuôn viên phía trước, lát gạch, nhà để xe cho giáo viên (Điểm Bình Minh) và làm khu vui chơi ngoài trời cho trẻ (điểm chính) Trường Mầm non số 1 xã Trung Hóa	UBND xã Trung Hóa	7998342	2022-2023	360.000.000	360.000.000	316.364.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
3	Đường từ nhà bà An đi nhà ông Lương thôn Liêm Hóa, xã Trung Hóa	UBND xã Trung Hóa	7999640	2022-2023	400.000.000	400.000.000	85.546.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
4	Đường nhà ông Toàn đi nhà ông Tuyết thôn Tiên Phong, xã Trung Hóa	UBND xã Trung Hóa	7999641	2022-2023	600.000.000	600.000.000	408.481.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
5	San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khuôn viên Trường TH số 2 Trung Hóa (Điểm trường chính)	UBND xã Trung Hóa	7999669	2022-2023	585.000.000	585.000.000	188.772.000	Nguyên nhân: Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
6	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc UBND xã Trung Hóa	UBND xã Trung Hóa	7999670	2022-2023	850.000.000	850.000.000	593.101.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
7	Cải tạo, sửa chữa chợ Trung Hóa; Hạng mục: Bãi và nhà để xe	UBND xã Trung Hóa	7965882	2022	70.000.000	70.000.000	10.338.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
8	Nâng cấp và sửa chữa đường GTNT Bình Minh xã Trung Hóa từ nhà ông Hiếu đình nhà ông Thánh	UBND xã Trung Hóa	8000421	2022-2023	900.000.000	900.000.000	597.091.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
9	Cải tạo, sửa chữa chợ Trung Hóa lần 2; Hạng mục: Sửa chữa mái sảnh phía đông đình chợ và bậc lên xuống đầy kỹ ốt	UBND xã Trung Hóa	8004603	2022-2023	130.000.000	130.000.000	2.941.000	Nguyên nhân: Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	Số 185a/QĐ-UBND ngày 18/10/2022
10	Đường từ nhà Ông Quý đi nhà ông Liêm thôn Bình Minh, xã Trung Hóa	UBND xã Trung Hóa	8003525	2022-2023	800.000.000	800.000.000	664.126.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
11	Nhà văn hóa thôn Bình Minh 1; Hạng mục: Nhà vệ sinh và sân	UBND xã Trung Hóa	8004585	2022-2023	232.200.000	232.200.000	232.200.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
12	Sửa chữa Trường Mầm non số 2 Trung Hóa (Điểm chính); Mái, cửa, điện, nền tầng 1,2	UBND xã Trung Hóa	8005503	2022-2023	850.000.000	850.000.000	793.444.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
13	Đường nội thôn Yên Phú, xã Trung Hóa (từ ông Sơn đến nhà ông Trung)	UBND xã Trung Hóa	8005504	2022-2023	510.000.000	510.000.000	97.893.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
14	Đường nội thôn Thanh Liêm, xã Trung Hòa 02 tuyến; từ nhà bà Thẩm đi nhà Ba, từ nhà Thẩm đi ông Chuyền	UBND xã Trung Hòa	8006031	2022-2023	1.400.000.000	1.400.000.000	1.275.883.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
15	Sửa chữa, nâng cấp đường liên thôn Thanh Liêm, Tiên Phong, Bình Minh đoạn từ nhà ông Chiến đi nhà ông Lương (Hiện)	UBND xã Trung Hòa	8006032	2022-2023	730.000.000	730.000.000	507.574.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	
16	Dự án phát triển quỹ đất ngã ba Pheo, xã Trung Hòa, Hạng mục: Hệ thống thoát nước	UBND xã Trung Hòa	8006029	2022-2023	3.004.901.000	3.004.901.000	2.810.460.000	Do ảnh hưởng thời tiết địa phương vùng núi mưa nhiều vào cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án; dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng năm kế hoạch và không được bố trí vốn kế hoạch năm sau thuộc điểm c, khoản 1, điều 48	

BIỂU SỐ II.6
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
DO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
	HUYỆN QUẢNG TRẠCH (Tại Văn bản số 23/BC-UBND ngày 07/02/2023 của UBND huyện Quảng Trạch và Văn bản số 166/UBND-TCKH ngày 01/03/2023)				331.990.951.000	16.110.084.842	10.995.437.192		
A	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN				328.990.951.000	15.110.084.842	9.995.437.192		
I	NGUỒN VỐN TIỀN ĐẤT				325.990.951.000	12.110.084.842	9.762.311.842		
1	Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng khu vực Thanh Xuân-Trường MN Quảng Hợp	UBND xã Quảng Hợp		2022-2024	4.200.000.000	500.000.000	500.000.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020)	
2	Đường nội vùng thôn Hợp Hạ, xã Quảng Hợp	UBND xã Quảng Hợp		2022-2024	1.900.000.000	500.000.000	500.000.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020)	
3	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng Trường Tiểu học Cảnh Dương	UBND xã Cảnh Dương	8008462	2022-2024	7.900.000.000	700.000.000	304.595.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020), chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư (Số vốn được cấp chủ yếu dùng để giải ngân GPMB)	
4	Hạ tầng tuyến đường kết hợp kè thôn Tân An đi thôn Phù Ninh, xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch	UBND xã Quảng Thanh		2022-2024	22.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020)	
5	Hạ tầng tuyến đường vượt lừ thôn Hương Phương sang thôn Pháp Kệ	UBND xã Quảng Phương		2022-2024	12.500.000.000	500.000.000	500.000.000	Khi thực hiện DA mở rộng đường phải lấy ý kiến của cơ quan Thủy nông và ý kiến của các phòng ban chuyên môn cấp trên đã chậm trong việc lập HS và do yếu tố khách quan khác (Điểm đ khoản 1 điều 48 ND 40/2020/ND-CP)	
6	Hạ tầng tuyến đường liên thôn Pháp Kệ Đông Dương và Tô Xá, xã Quảng Phương	UBND xã Quảng Phương		2022-2024	10.000.000.000	500.000.000	500.000.000	Khi thực hiện DA mở rộng đường vướng đến đất SXNN nên trong quá trình thực hiện dự án đã kéo dài thời gian và do yếu tố khách quan (Điểm đ khoản 1 điều 48 ND 40/2020/ND-CP)	
7	Xây dựng 3 tầng 9 phòng học chức năng Trường THCS xã Quảng Xuân	UBND xã Quảng Xuân	8004590	2022-2024	8.000.000.000	700.000.000	550.000.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020), chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư (Số vốn được cấp chủ yếu dùng để giải ngân GPMB)	
8	Nâng cấp tuyến đường liên thôn Thanh Bình đi Xuân Kiều và đường nội thôn Xuân Kiều, xã Quảng Xuân	UBND xã Quảng Xuân	8010461	2022-2024	11.500.000.000	500.000.000	500.000.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020)	
9	Lập Quy hoạch chung xã và điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã Cảnh Hóa	UBND xã Cảnh Hóa	8000442	2022-2024	700.000.000	700.000.000	503.429.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020), chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư (Số vốn được cấp chủ yếu dùng để giải ngân GPMB)	
10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Rú Cối, thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Đại diện chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch	7894794	2020-2021	13.490.951.000	488.084.842	488.084.842	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau. Điểm c, Khoản 1, Điều 48	
11	Hệ thống hạ tầng và kênh thoát nước phía Nam Trung tâm huyện lỵ, huyện Quảng Trạch	Đại diện chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch		2022-2024	44.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020)	
12	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại Trung tâm huyện lỵ mới, huyện Quảng Trạch (GD 1)	BQL ODA		2022-2025	57.000.000.000	500.000.000	500.000.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020)	

Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 08/7/2022

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
13	Tuyến đường từ Trụ sở Chi cục Thi hành án đến đường đi xã Quảng Lưu (Giai đoạn 2)	BQL ODA	8007686	2022-2024	47.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020)	
14	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng 02 tuyến đường nội vùng đi đường ven biển thuộc xã Quảng Xuân	BQL ODA	7959461	2022-2024	59.000.000.000	1.000.000.000	414.166.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020), chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư (Số vốn được cấp chủ yếu dùng để giải ngân GPMB)	
15	Tuyến đường phía Bắc Trường Tiểu học và THCS kết nối với hồ Bầu Mây tại Trung tâm huyện lỵ, huyện Quảng Trạch	BQL ODA	7978636	2022-2024	25.000.000.000	1.000.000.000	447.037.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020), chỉ giải ngân được gói thầu lập dự án đầu tư (Số vốn được cấp chủ yếu dùng để giải ngân GPMB)	
16	Cải tạo phòng họp BCH Đảng bộ huyện, phòng truyền thống, phòng Hồ Chí Minh Huyện ủy Quảng Trạch	Văn phòng Huyện ủy	7975932	2022-2024	1.800.000.000	522.000.000	55.000.000	Quá trình thi công đang bị vướng nên chưa có khối lượng để giải ngân. (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020)	
II	NGUỒN BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU				3.000.000.000	3.000.000.000	233.125.350		
1	Trồng cây xanh dải phân cách các tuyến đường N2, D3 thuộc trung tâm huyện lỵ huyện Quảng Trạch	Ban QL các CTCC huyện	7979550	2022-2023	3.000.000.000	3.000.000.000	233.125.350	Do trồng cây xanh theo quy định phải bảo dưỡng cây 3 tháng nên chưa thể nghiệm thu hoàn thành. (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020)	Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 08/7/2022
B	NGUỒN VỐN CẤP XÃ (NGUỒN VỐN TIỀN ĐẤT)				3.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		
1	Hạ tầng kỹ thuật quy hoạch chi tiết khu nghĩa địa thôn Pháp Kế xã Quảng Phương	UBND xã Quảng Phương	7949824	2022-2024	3.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	Do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng (Điểm đ khoản 1 điều 48 Nghị định 40/2020)	QĐ số 2659/QĐ-UBND huyện ngày 28/12/2022



**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
ĐO CẤP HUYỆN, XÃ QUẢN LÝ KÈO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	TMDT	Kế hoạch năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
1	2	3	5	6	7	8	11	13	14
	THỊ XÃ BA ĐÓN (Tại Văn bản số 47/BC-UBND ngày 10/02/2023 của UBND thị xã Ba Đón)				195.999.184.800	59.933.281.000	19.289.206.379		
A	NGUỒN VỐN THỊ XÃ QUẢN LÝ				69.453.281.800	11.245.241.000	6.344.824.872		
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG				11.295.047.000	4.167.000.000	605.290.622		
1	Trồng mới hệ thống cây xanh thị xã Ba Đón	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã	7817012	2020-2022	1.213.484.000	363.000.000	114.998.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
2	Nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy từ xã Quảng Sơn đến xã Quảng Thủy, xã Quảng Minh, xã Quảng Hòa, xã Quảng Lộc	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã	7810621	2020-2022	1.599.842.000	300.000.000	79.198.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
3	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7904449	2020-2022	295.049.000	195.000.000	30.564.484	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
4	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7904443	2020-2022	143.967.000	44.000.000	19.423.878	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
5	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hải, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7904453	2020-2022	192.840.000	93.000.000	22.975.470	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
6	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Minh, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7904451	2020-2022	324.166.000	224.000.000	32.964.780	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
7	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Văn, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7904452	2020-2022	296.684.000	197.000.000	31.074.952	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
8	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7922304	2020-2022	366.854.000	267.000.000	38.588.381	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
9	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7922301	2020-2022	351.151.000	251.000.000	36.918.412	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
10	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Tân, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7922302	2020-2022	231.459.000	131.000.000	25.868.718	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
11	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Tiến, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7922299	2020-2022	264.112.000	164.000.000	28.676.411	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
12	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Trung, thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7922303	2020-2022	279.439.000	179.000.000	29.963.136	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
13	Tuyến đường giao thông thôn Vĩnh Phước Đông xã Quảng Lộc	UBND xã Quảng Lộc	7833672	2020-2022	781.000.000	180.000.000	25.000.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
14	Bê tông hóa đường giao thông xóm 1 đi xóm 2 thôn Biều Lê xã Quảng Trung	UBND xã Quảng Trung	7820956	2020-2022	2.081.000.000	800.000.000	11.579.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
15	Nâng cấp tuyến đường ngõ lạt thôn Biều Lê xã Quảng Trung đi các xã Quảng Sơn - Quảng Thủy	UBND xã Quảng Trung	7802540	2020-2022	1.700.000.000	400.000.000	38.581.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
16	Nâng cấp khuôn viên trụ sở UBND xã Quảng Trung	UBND xã Quảng Trung	7818999	2020-2022	795.000.000	200.000.000	35.338.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
17	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường TH và MN thôn Công Hoà, xã Quảng Trung	UBND xã Quảng Trung	7909845	2021-2023	379.000.000	179.000.000	3.578.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3650/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
II	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT				26.658.234.800	1.878.241.000	975.358.250		
1	Hệ thống biển tên đường phố, ngõ phố thị xã	Phòng QLĐT thị xã	7726669	2018-2020	800.000.000	99.740.000	99.740.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 1524/QĐ-UBND ngày 04/8/2022
2	Cắm mốc quy hoạch thị xã Ba Đón	Phòng QLĐT thị xã	7729710	2018-2020	1.500.000.000	28.501.000	28.501.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 1524/QĐ-UBND ngày 04/8/2022
3	Quy chế Quản lý kiến trúc thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7999667	2021-2023	1.229.117.400	150.000.000	150.000.000	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm đ, khoản 1 điều 48, ND 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 1082/QĐ-UBND ngày 20/6/2022
4	Quy chế Quản lý kiến trúc thị xã Ba Đón, tỉnh Quảng Bình	Phòng QLĐT thị xã	7999667	2021-2023	1.229.117.400	150.000.000	150.000.000	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm đ, khoản 1 điều 48, ND 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 2653/QĐ-UBND ngày 13/12/2022
5	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường giao thông khu phố 3, phường Ba Đón	UBND phường Ba Đón	7816993	2021-2023	6.500.000.000	300.000.000	144.328.250	Do vướng GPMB của một số hộ gia đình và ảnh hưởng của thời tiết bất lợi nên ảnh hưởng đến giải ngân nguồn vốn dự án (tại điểm b, d khoản 1, điều 48)	QĐ 1082/QĐ-UBND ngày 20/6/2022
6	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường giao thông khu phố 3, phường Ba Đón	UBND phường Ba Đón	7816993	2021-2023	6.500.000.000	300.000.000	300.000.000	Do vướng GPMB của một số hộ gia đình và ảnh hưởng của thời tiết bất lợi nên ảnh hưởng đến giải ngân nguồn vốn dự án (tại điểm b, d khoản 1, điều 48)	QĐ 2653/QĐ-UBND ngày 13/12/2022
7	Xây dựng các phòng học và phòng chức năng trường mầm non phường Quảng Phúc khu vực Đom Sa	UBND phường Quảng Phúc	7951502	2022-2024	5.500.000.000	500.000.000	5.190.000	Chi phí thẩm tra quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 542/QĐ - UBND ngày 01/4/2022

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	TMBT	Kế hoạch năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
8	Tuyến đường từ Quảng Thủy đi Quảng Tiến xóm 1, 2 thôn Biều Lễ xã Quảng Trung	UBND xã Quảng Trung	7780040	2019-2022	3.400.000.000	350.000.000	97.599.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên đề nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 2653/QĐ-UBND ngày 13/12/2022
III NGUỒN VỐN KHÁC (Ghi rõ nguồn vốn)					31.500.000.000	5.200.000.000	4.764.176.000		
1	Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 559 (Giai đoạn 2) từ UBND xã Quảng Tiến đến Km10+300	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã	8012438	2022-2024	30.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	Do quá trình thực hiện thủ tục đầu tư dự án kéo dài, không giải ngân kịp (tại điểm đ, khoản 1 điều 48, ND 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 2817/QĐ-UBND ngày 26/12/2022
2	Tuyến đường TDP Chính Trục nối Quốc lộ 12	UBND P Quảng Long	7802536	2019- 2021	1.500.000.000	400.000.000	217.148.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3651/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
3	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường TH Côn Sẻ xã Quảng Lộc	UBND xã Quảng Lộc	7743735			300.000.000	47.028.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ 3651/QĐ-UBND ngày 29/12/2021
NGUỒN VỐN CẤP XÃ					126.545.903.000	48.688.040.000	12.944.381.507		
I NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG					11.018.493.000	4.074.274.000	340.061.807		
1	Đường liên thôn Bắc Sơn đi thôn Linh Cận Sơn	UBND xã Quảng Sơn	7795432	12/2019 12/2020	1.316.691.000	92.739.000	32.133.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 211/QĐ-UBND ngày 25/11/2022
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm cơ sở vật chất Trường TH Quảng Sơn	UBND xã Quảng Sơn	7835621	05/2020 10/2020	2.088.722.000	500.000.000	66.007.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 150/QĐ-UBND ngày 18/01/2022
3	Đường dẫn sinh phục vụ sản xuất thôn Bắc Sơn	UBND xã Quảng Sơn	7867885	2020 2021	559.572.000	5.548.000	5.548.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 187/QĐ-UBND ngày 19/09/2022
4	Đường dẫn sinh phục vụ sản xuất thôn Linh Cận Sơn	UBND xã Quảng Sơn	7868193	2020 2021	1.000.000.000	9.987.000	9.987.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 187/QĐ-UBND ngày 19/09/2022
5	Xây dựng nhà vệ sinh Trường THCS Quảng Sơn	UBND xã Quảng Sơn	7891448	2021	566.000.000	250.000.000	2.508.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 141/QĐ-UBND ngày 18/01/2022
6	Xây dựng thư viện xanh, nhà xe học sinh Trường THCS Quảng Sơn	UBND xã Quảng Sơn	7902403	06/2021 11/2021	466.664.000	216.000.000	3.085.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 150/QĐ-UBND ngày 18/01/2022
7	Sửa chữa khắc phục hư hỏng do mưa lũ đối với kênh mương và đường nội đồng thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh	UBND xã Quảng Minh	7957595	2022 - 2022	2.000.000.000	2.000.000.000	37.793.807	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên đề nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	688/QĐ-UBND ngày 13/07/2022
8	Khuôn viên hàng rào, sân thể dục thể thao thôn Minh Tiến xã Quảng Minh	UBND xã Quảng Minh	7995618	2022 - 2024	3.020.844.000	1.000.000.000	183.000.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên đề nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	1016/QĐ-UBND ngày 15/12/2022
II NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT					109.093.073.000	39.616.600.000	9.578.209.700		
1	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường giao thông khu phố 3, phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	7816993	2020-2023	6.500.000.000	300.000.000	300.000.000	Do vướng GPMB của một số hộ gia đình và ảnh hưởng của thời tiết bất lợi nên ảnh hưởng đến giải ngân nguồn vốn dự án (tại điểm b, d khoản 1, điều 48)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 và Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 26/10/2022
2	Hệ thống thoát nước tổ an ninh số 6, khu phố 2	UBND phường Ba Đồn	7915486	2021 - 2023	195.000.000	45.000.000	37.476.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 06/4/2022
3	Lát gạch sân chào cờ trường tiểu học số 2 Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	7952603	2021 - 2023	200.000.000	200.000.000	20.760.700	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 10/8/2022
4	Sửa chữa, cải tạo cống, hàng rào phía đông trường THCS Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	8002802	2022 -2024	150.000.000	100.000.000	100.000.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên đề nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022
5	Công viên lễ hội đình làng Phan Long Ba Đồn. HM: Công viên cây xanh, sân khấu lễ hội, khu đi bộ và hệ thống thoát nước	UBND phường Ba Đồn	7987066	2022-2024	6.000.000.000	854.000.000	12.738.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên đề nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022
6	Cải tạo mái nhà văn hóa KP1, nhà vệ sinh và cửa nhà văn hóa KP 3 phường Ba Đồn; phòng tiếp dân trụ sở công an phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	8002799	2022 -2024	850.000.000	300.000.000	26.578.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên đề nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022
7	Đường bê tông phía Bắc Lương Thế Vinh	UBND phường Ba Đồn	7933558	2021 -2023	1.200.000.000	130.000.000	30.000.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022
8	Sửa chữa trụ sở UBND phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	7950906	2022 -2024	850.588.000	740.000.000	2.088.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 và Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 10/8/2022
9	Xây dựng đường hoa chào mừng đại hội Đảng	UBND phường Ba Đồn	7859362	2020 -2022	287.000.000	84.751.000	4.092.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	TMDT	Kế hoạch năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
10	Đường phía nam khu nghĩa địa phường Ba Đồn	UBND phường Ba Đồn	7902400	2021 -2023	400.000.000	290.016.000	6.613.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022
11	Phát triển quỹ đất tổ dân phố Tân Mỹ	UBND phường Quảng Phúc	7683951			10.468.739.000	215.736.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên đề nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 806/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND phường Q. Phúc
12	Trạm y tế phường Quảng Phúc	UBND phường Quảng Phúc	7702602			897.715.000	22.515.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 758/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND phường Q. Phúc
13	Xây dựng các phòng học và phòng chức năng trường Mầm Non phường Quảng Phúc khu vực Đơn Sa	UBND phường Quảng Phúc	7951502			1.580.332.000	100.000.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên đề nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 835/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND phường Q. Phúc
14	Đường bê tông cốt sắt xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7380980	2013-2014	3.147.000.000	154.000.000	37.823.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
15	Đường GTNT thôn cồn sắt giai đoạn 2	UBND xã Q.Lộc	7418942	2013-2014	2.025.000.000	100.000.000	77.379.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
16	Trường THCS Quảng Lộc (6 phòng bộ môn)	UBND xã Q.Lộc	7822128	2020-2022	5.000.000.000	50.000.000	50.000.000	Theo Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
17	Bê tông hóa tuyến đường từ cửa Hải Linh đến Tỉnh và tuyến hồi ống toan thôn Phú Trích	UBND xã Q.Lộc	7844614	2020-2022	370.000.000	7.000.000	7.000.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
18	Đường GTNT thôn cồn sắt	UBND xã Q.Lộc	7844632	2020-2022	967.000.000	57.000.000	57.000.000	Theo Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
19	Bê tông hóa tuyến đường xóm mới và tuyến đường hồi ống Lê thôn Phú Trích	UBND xã Q.Lộc	7844615	2020-2022	366.000.000	13.000.000	13.000.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
20	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Lộc	UBND xã Q.Lộc	7855215	2020-2021	1.078.000.000	450.000.000	36.830.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
21	Kiến cổ hóa kênh tưới từ xóm bãi đi mương tiêu HTX Vĩnh Lộc	UBND xã Q.Lộc	7872038	2020-2021	800.000.000	300.000.000	16.942.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
22	Kênh tưới từ bờ liền đến trục đường chính Quảng Hải đi Quảng Hòa	UBND xã Q.Lộc	7872569	2020-2021	600.000.000	200.000.000	27.000.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
23	Cải tạo, nâng cấp, tu sửa và mua sắm cơ sở vật chất phòng Hồ Chí Minh	UBND xã Q.Lộc	7921132	2021-2023	281.000.000	150.000.000	12.390.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
24	Bê tông hóa tuyến đường từ nhà ông Đuôi lên hồi ống Dung	UBND xã Q.Lộc	7907224	2021-2023	397.000.000	50.000.000	50.000.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
25	Bê tông hóa trục đường nhà ông triều thôn Cồn Sẻ	UBND xã Q.Lộc	7909844	2021-2023	4.091.000.000	2.580.000.000	305.427.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
26	Kè thoát úng từ hồ cá ông Ninh đến cống chợ ngang và cửa ống Bãi đến nhà ống Quy	UBND xã Q.Lộc	7923847	2021-2023	3.368.000.000	2.000.000.000	100.000.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
27	Bê tông hóa tuyến đường nội đồng xóm 5, xóm 6 thôn Vĩnh Phước	UBND xã Q.Lộc	7913634	2021-2023	1.148.000.000	180.000.000	180.000.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
28	Bê tông hóa đường và kênh mương vùng giồng, cửa miếu thôn Phú Trích	UBND xã Q.Lộc	7972714	2022-2023	3.641.000.000	1.500.000.000	859.000.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
29	Tuyến đường và kênh mương dọc 2 bên đường xóm 4 đoạn từ nhà ông Nam đi đường 36m thôn Vĩnh Phước xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7980841	2022-2023	3.500.000.000	1.450.000.000	351.271.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
30	Hạ tầng đường giao thông kết hợp kế đoạn từ cầu đi xóm 4 thôn Cồn Sẻ, xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7943664	2022-2023	14.800.000.000	7.000.000.000	3.865.284.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
31	Nâng cấp cải tạo sân và khuôn viên nghĩa trang xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7982749	2022-2023	660.000.000	100.000.000	100.000.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
32	Xây dựng 2 phòng học cấp 4 trường tiểu học cồn sắt xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7668877	2017-2018	974.000.000	50.000.000	22.791.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
33	Tuyến đường giao thông thôn Vĩnh Phước Đông xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7833672	2020-2022	781.000.000	18.000.000	18.000.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
34	Nâng cấp hàng rào, sân thoát nước trường tiểu học cồn sắt xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7833670	2020-2021	1.048.000.000	30.000.000	30.000.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
35	Phần mái nhà lớp học 4 phòng trường mầm non Quảng Lộc (Điểm lẻ cồn sắt)	UBND xã Q.Lộc	7835611	2020-2022	213.000.000	62.000.000	12.721.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
36	Nhà vệ sinh của giáo viên và học sinh trường tiểu học cồn sắt	UBND xã Q.Lộc	7858023	2020-2021	495.000.000	60.000.000	24.849.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
37	Đường bê tông thôn Phú Trích đi khu di tích lịch sử tam tòa từ miếu	UBND xã Q.Lộc	7727027	2017-2018	789.000.000	60.000.000	60.000.000	Trả nợ công trình hoàn thành (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	TMDT	Kế hoạch năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các lý do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
38	Kiến cổ hóa kênh mương thôn Vĩnh Phước tây xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7712585	2018-2020	985.000.000	50.000.000	50.000.000	Trả nợ công trình hoàn thành (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
39	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học cồn sè	UBND xã Q.Lộc	7743735	2019-2020	5.500.000.000	50.000.000	50.000.000	Trả nợ công trình hoàn thành (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
40	Nhà lớp học 4 phòng trường mầm non Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7809634	2020-2022	3.823.000.000	100.000.000	100.000.000	Trả nợ công trình hoàn thành (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
41	Xây dựng gara xe, sân mát và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật trường mầm non cồn sè	UBND xã Q.Lộc	7849841	2020-2022	700.000.000	50.000.000	20.000.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
42	Tuyến đường xóm 3 từ nhà ông Hòa ra bên thôn cồn sè xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7899157	2021-2023	1.129.000.000	40.000.000	40.000.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
43	Đường GTNT phủ trục đi khu di tích lịch sử tam tòa từ miếu xã Quảng Lộc, TX BD	UBND xã Q.Lộc	7893947	2021-2023	2.993.000.000	250.000.000	51.000.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
44	Bê tông hóa các tuyến đường nội đồng từ mương máy về cửa hà thôn Phú Trích	UBND xã Q.Lộc	7978638	2022-2023	4.150.000.000	1.200.000.000	22.090.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
45	Xây dựng kênh tiêu úng HTX DVNN thôn Vĩnh Lộc	UBND xã Q.Lộc	7987074	2022-2023	5.000.000.000	2.000.000.000	809.118.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
46	Bê tông hóa tuyến đường từ ông trưởng lên bãi sơm bê và đường từ ông thiên đến cửa mẹ nghĩa thôn Phú Trích	UBND xã Q.Lộc	7975946	2022-2023	1.800.000.000	900.000.000	425.691.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
47	Đường từ phủ trục đi khu di tích lịch sử trận chiến thắng phủ trục - La Hà xã Quảng Lộc, TXBD (giai đoạn 2)	UBND xã Q.Lộc	7982750	2022-2023	1.950.000.000	220.000.000	220.000.000	Do bị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình (Điểm d Khoản 1 Điều 48)	Số 582 ngày 08/8/2022 của UBND xã Q.Lộc
48	Xây dựng nhà vệ sinh trụ sở UBND xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7457618	2014-2014	434.000.000	1.588.000	1.588.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 352 ngày 05/10/2022 UBND xã Q.Lộc
49	Nâng cấp hàng rào, sân bê tông thoát nước trường tiểu học cồn sè xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7833670	2020-2021	1.048.000.000	51.198.000	21.947.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 352 ngày 05/10/2022 UBND xã Q.Lộc
50	Hạ tầng kỹ thuật hệ thống mương tiêu thôn Phú Trích	UBND xã Q.Lộc	8005527	2022-2023	930.000.000	250.000.000	18.335.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên để nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 997 ngày 21/12/2022 UBND xã Q.Lộc
51	Nhà lớp học 4 phòng trường mầm non Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7809634	2020-2022	3.823.000.000	380.000.000	29.124.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 78 ngày 21/01/2022 UBND xã Q.Lộc
52	Khắc phục tuyến đường và tuyến kênh tiêu chống ngập lụt thôn Cồn Sè xã Quảng Lộc	UBND xã Q.Lộc	7940086	2021-2022	984.689.000	1.000.000.000	75.780.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 12 ngày 05/01/2022 UBND xã Q.Lộc
53	Nâng cấp sửa chữa kênh mương HTX Phú Trích	UBND xã Q.Lộc	7904447	2021-2022	1.150.000.000	27.261.000	15.233.000	Chi phí thẩm tra, quyết toán (Điểm c, d Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 131 ngày 27/06/2022 UBND xã Q.Lộc
54	Kiến cổ hóa kênh mương xã Quảng Tiến Hạng mục 02 tuyến mương	UBND xã Quảng Tiến	7544500	2019-2020	860.791.000	25.000.000	25.000.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên để nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	1115/QĐ-UBND ngày 05/12/2022
55	Xây dựng nhà hiệu bộ trường THCS xã Quảng Tiến	UBND xã Quảng Tiến	7851830	2020 - 2021	3.461.005.000	60.000.000	60.000.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên để nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	1115/QĐ-UBND ngày 05/12/2022
56	Tuyến mương nội đồng thôn Vĩnh Phước xã Quảng Lộc	UBND xã Quảng Lộc	8008453	2022-2023	1.200.000.000	350.000.000	350.000.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên để nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	Số 625a ngày 19/10/2022 của UBND xã Q.Lộc
III	NGUỒN VỐN KHÁC (Nguồn hỗ trợ của thị xã)				6.434.337.000	4.997.166.000	3.026.110.000		
1	Nâng cấp khuôn viên, cổng, sân, hàng rào, hệ thống thoát nước, nhà xe trường Mầm non Quảng Trung	UBND xã Quảng Trung	7983686	2022-2024	2.484.337.000	1.750.000.000	100.000.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên để nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 1549, ngày 10/08/2022 của UBND thị xã Ba Đồn
2	Đường từ phủ trục đi khu di tích lịch sử trận chiến thắng phủ trục - La Hà xã Quảng Lộc, TXBD (giai đoạn 2)	UBND xã Quảng Lộc	7982750	2022-2023	1.950.000.000	250.000.000	250.000.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên để nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	QĐ số 2607, ngày 08/12/2022 của UBND thị xã Ba Đồn
3	Xây dựng tuyến đường tránh lũ từ nhà văn hóa thôn Thượng Thủy đi thôn Xuân Thủy xã Quảng Thủy	UBND xã Quảng Thủy	7983995	2022 - 2024	1.000.000.000	997.166.000	676.110.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên để nghị kéo dài để tiếp tục thành toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	2233/QĐ-UBND ngày 01/11/2022

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	TMBT	Kế hoạch năm 2022	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Các tỷ do theo quy định tại các điểm a, b, c, d, d, e, g, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	Quyết định giao vốn
4	Nhà bia tưởng niệm "Trận chống cán làng Xulin" xã Quảng Thủy, thị xã Ba Đồn	UBND xã Quảng Thủy		2022 - 2024	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Do Quyết định phân bổ vốn vào cuối năm nên đề nghị kéo dài để tiếp tục thanh toán trả nợ (Điểm c Khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP)	2851/QĐ-UBND ngày 27/12/2022

